

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1124/QĐ-UBND

Phú Yên, ngày 21 tháng 7 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố thủ tục hành chính ban hành mới, sửa đổi,
bổ sung và hủy bỏ, bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của
Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26/11/2003;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính và Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Xét đề nghị của Sở Tư pháp tại Tờ trình số 33/TTr-STP ngày 27/6/2014 và Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 127/TTr-SNN, ngày 25/6/2014,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này thủ tục hành chính ban hành mới, sửa đổi, bổ sung, bị hủy bỏ, bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

(Danh mục, nội dung cụ thể thủ tục hành chính kèm theo)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tư pháp, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và các cá nhân, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

CHỦ TỊCH

Phạm Đình Cự

THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BAN HÀNH MỚI, SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, BỊ HỦY BỎ/ BÃI BỎ THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN TỈNH PHÚ YÊN

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1124/QĐ-UBND ngày 21/7/2014 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)

PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

A. Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

STT	Tên thủ tục hành chính
I	Lĩnh vực Nông nghiệp
1	Tiếp nhận công bố hợp quy giống cây trồng (gồm: lúa, ngô, lạc, đậu tương và khoai tây)
II	Lĩnh vực Trồng trọt và Bảo vệ thực vật
2	Cấp giấy đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật
3	Gia hạn giấy đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật
4	Cấp lại giấy đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật
5	Cấp giấy phép vận chuyển thuốc, nguyên liệu thuốc bảo vệ thực vật
III	Lĩnh vực quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản
6	Kiểm tra, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh sản phẩm nông lâm thủy sản đủ điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm
7	Kiểm tra Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm cho cơ sở sản xuất, kinh doanh sản phẩm nông lâm thủy sản
IV	Lĩnh vực Lâm nghiệp
8	Thẩm định Phương án trồng rừng thay thế diện tích rừng chuyển sang mục đích khác
9	Thẩm định dự án lâm sinh (đối với đơn vị, tổ chức thuộc tỉnh quản lý)
10	Thẩm định và phê duyệt hồ sơ thiết kế và dự toán các công trình lâm sinh (đối với các tổ chức thuộc tỉnh quản lý)
11	Thẩm định và phê duyệt hồ sơ cải tạo rừng (đối với tổ chức khác và hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thôn thuộc tỉnh quản lý)
V	Lĩnh vực Nuôi trồng thủy sản
12	Kiểm tra chất lượng giống thủy sản nhập khẩu

B. Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế
I		Lĩnh vực Bảo vệ thực vật	
1	T-PYE-226917-TT	Cấp chứng chỉ hành nghề buôn bán thuốc Bảo vệ thực vật	Theo Thông tư mới TT số 223/2012/TT-BTC ngày 24/12/2012. - Nội dung sửa đổi phí và lệ phí.
2	T-PYE-	Cấp lại chứng chỉ hành nghề	Theo Thông tư mới TT số

	230790-TT	Buôn bán thuốc Bảo vệ thực vật	223/2012/TT-BTC ngày 24/12/2012. - Nội dung sửa đổi phí và lệ phí.
3	T-PYE-226918-TT	Thông qua nội dung hội thảo, quảng cáo thuốc bảo vệ thực vật tại địa phương	- Theo Thông tư mới TT số 223/2012/TT-BTC ngày 24/12/2012. - Nội dung sửa đổi phí và lệ phí.
4	T-PYE-226941-TT	Cấp chứng chỉ hành nghề sản xuất, gia công, sang chai, đóng gói, thuốc Bảo vệ thực vật	- Theo Thông tư mới TT số 223/2012/TT-BTC ngày 24/12/2012. - Nội dung sửa đổi phí và lệ phí.
5	T-PYE-230786-TT	Cấp lại chứng chỉ hành nghề sản xuất, gia công, sang chai, đóng gói, thuốc Bảo vệ thực vật	- Theo Thông tư mới TT số 223/2012/TT-BTC ngày 24/12/2012. - Nội dung sửa đổi phí và lệ phí.
6	T-PYE-226922-TT	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề xông hơi khử trùng (Vật thể bảo quản nội địa)	- Theo Thông tư mới TT số 223/2012/TT-BTC ngày 24/12/2012. - Nội dung sửa đổi phí và lệ phí.
7	T-PYE-226934-TT	Cấp chứng chỉ hành nghề xông hơi khử trùng (Vật thể bảo quản nội địa)	- Theo Thông tư mới TT số 223/2012/TT-BTC ngày 24/12/2012. - Nội dung sửa đổi phí và lệ phí.
8	T-PYE-226937-TT	Cấp thẻ xông hơi khử trùng (Vật thể bảo quản nội địa)	- Theo Thông tư mới TT số 223/2012/TT-BTC ngày 24/12/2012. - Nội dung sửa đổi phí và lệ phí.
II Lĩnh vực Thú y			
9	T-PYE-226993-TT	Cấp chứng chỉ hành nghề tiêm phòng, chẩn đoán bệnh, kê đơn chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe động vật	- Thông tư số 04/2012/TT-BTC ngày 05/01/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu nộp và quản lý, sử dụng phí lệ phí trong công tác thú y. - Nội dung sửa đổi phí và lệ phí.
10	T-PYE-226997-TT T-PYE-180252-TT	Cấp chứng chỉ hành nghề kinh doanh thuốc thú y, chế phẩm sinh học, vi sinh vật, hóa chất dùng trong thú y	- Thông tư số 04/2012/TT-BTC ngày 05/01/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu nộp và quản lý, sử dụng phí lệ phí trong công tác thú y. - Nội dung sửa đổi phí và lệ phí.
11	T-PYE-226951-TT	Gia hạn chứng chỉ hành nghề thú y (đối với các chứng chỉ do Chi cục Thú y cấp)	- Thông tư số 04/2012/TT-BTC ngày 05/01/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu nộp và quản lý, sử dụng phí lệ phí trong công tác thú y. - Nội dung sửa đổi phí và lệ phí.
12	T-PYE-227015-TT	Cấp chứng chỉ hành nghề xét nghiệm bệnh, phẫu thuật động vật	- Thông tư số 04/2012/TT-BTC ngày 05/01/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu nộp và quản lý, sử dụng phí lệ phí trong công tác thú y. - Nội dung sửa đổi phí và lệ phí.
13	T-PYE-227016-TT	Cấp chứng chỉ hành nghề tư vấn, dịch vụ kỹ thuật về thú y	- Thông tư số 04/2012/TT-BTC ngày 05/01/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu nộp và quản lý, sử dụng phí lệ phí trong công tác thú y.

			- Nội dung sửa đổi phí và lệ phí.
14	T-PYE-226960-TT	Đăng ký xây dựng vùng an toàn dịch bệnh, cơ sở an toàn dịch bệnh	- Thông tư số 04/2012/TT-BTC ngày 05/01/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu nộp và quản lý, sử dụng phí lệ phí trong công tác thú y. - Nội dung sửa đổi phí và lệ phí.
15	T-PYE-226985-TT	Cấp giấy chứng nhận điều kiện vệ sinh thú y đối với các cơ sở	- Thông tư số 04/2012/TT-BTC ngày 05/01/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu nộp và quản lý, sử dụng phí lệ phí trong công tác thú y. - Nội dung sửa đổi phí và lệ phí.
16	T-PYE-227017-TT	Kiểm dịch động vật vận chuyển ra ngoài tỉnh	- Thông tư số 04/2012/TT-BTC ngày 05/01/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu nộp và quản lý, sử dụng phí lệ phí trong công tác thú y. - Nội dung sửa đổi phí và lệ phí.
17	T-PYE-227018-TT	Kiểm dịch sản phẩm động vật vận chuyển ra ngoài tỉnh	- Thông tư số 04/2012/TT-BTC ngày 05/01/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu nộp và quản lý, sử dụng phí lệ phí trong công tác thú y. - Nội dung sửa đổi phí và lệ phí.
18	T-PYE-227033-TT	Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch đối với động vật thủy sản vận chuyển trong nước	- Thông tư số 04/2012/TT-BTC ngày 05/01/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu nộp và quản lý, sử dụng phí lệ phí trong công tác thú y. - Nội dung sửa đổi phí và lệ phí.
19	T-PYE-227019-TT	Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch đối với sản phẩm động vật thủy sản vận chuyển trong nước	- Thông tư số 04/2012/TT-BTC ngày 05/01/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu nộp và quản lý, sử dụng phí lệ phí trong công tác thú y. - Nội dung sửa đổi phí và lệ phí.
III	Lĩnh vực kiểm lâm		
20	T-PYE-227019-TT	Cấp giấy đăng ký trại nuôi sinh sản, sinh trưởng các loài động vật hoang dã thông thường	- Thông tư 47/2012/TT-BNNPTNT ngày 25/9/2012 thay thế văn bản thực hiện trước. - Nội dung sửa đổi: Chuyển Hạt Kiểm lâm cấp huyện
IV	Lĩnh vực Quản lý chất lượng Nông lâm và thủy sản		
21	T-PYE-230795-TT	Đăng ký lần đầu xác nhận nội dung quảng cáo thực phẩm	- Theo Thông tư số 149/2013/TT-BTC ngày 29/10/2013. - Nội dung sửa đổi phí và lệ phí
22	T-PYE-230812-TT	Đăng ký lại xác nhận nội dung quảng cáo thực phẩm	- Theo Thông tư số 149/2013/TT-BTC ngày 29/10/2013. - Nội dung sửa đổi phí và lệ phí

C. Danh mục thủ tục hành chính bị hủy bỏ/bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ, hủy bỏ thủ tục hành chính
I Lĩnh vực Nuôi trồng thủy sản			
1	T-PYE- 175594- TT	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh giống thủy sản	Thông tư 50/2012/TT-BNNPTNT ngày 08/10/2012 của Bộ nông nghiệp và PTNT về việc bãi bỏ Quyết định 85/2008/QĐ-BNN ngày 06/8/2008
2	T-PYE- 153371- TT	Công bố chất lượng giống thủy sản	Thông tư 50/2012/TT-BNNPTNT ngày 08/10/2012 của Bộ nông nghiệp và PTNT về việc bãi bỏ Quyết định 85/2008/QĐ-BNN ngày 06/8/2008.
II Lĩnh vực Quản lý chất lượng Nông lâm sản và thủy sản			
3	T-PYE- 226902- TT	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm trong sản xuất, kinh doanh thủy sản	Thông tư 55/2011/TT-NNPTNT ngày 3/8/2011 của Bộ NN và PTNT về kiểm tra, chứng nhận chất lượng, ATTP thủy sản đã được thay thế

PHẦN II. NỘI DUNG CỤ THỂ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

I. Lĩnh vực Nông nghiệp

1. Thủ tục Tiếp nhận công bố hợp quy giống cây trồng (gồm: lúa, ngô, lạc, đậu tương và khoai tây)

+ *Trình tự thực hiện thủ tục hành chính:*

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân có nhu cầu đăng ký công bố hợp quy giống cây trồng. Lập hồ sơ theo quy định.

- Bước 2: Tổ chức cá nhân nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Sở Nông nghiệp và PTNT Phú Yên (Số 64, Lê Duẩn, TP. Tuy Hòa).

Công chức tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra tính hợp lệ và nội dung hồ sơ:

+ Trường hợp hồ sơ hợp lệ thì viết giấy biên nhận và hẹn ngày nhận kết quả.

+ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ thì công chức tiếp nhận hồ sơ giải thích hướng dẫn để người nộp hồ sơ bổ sung theo đúng quy định.

+ Thời gian tiếp nhận hồ sơ: Sáng từ 7h30 đến 11h, Chiều từ 14h đến 16h30 và các ngày làm việc trong tuần.

- Bước 3: Nộp giấy biên nhận và nhận kết quả:

Đăng ký tiếp nhận công bố hợp quy giống cây trồng tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Sở Nông nghiệp và PTNT Phú Yên; Thời gian: Sáng từ 7h30 đến 11h, chiều từ 14h đến 16h30 và các ngày làm việc trong tuần.

+ *Cách thức thực hiện thủ tục hành chính:* Nộp trực tiếp tại cơ quan hành chính nhà nước.

+ *Thành phần, số lượng hồ sơ:*

* Thành phần hồ sơ gồm:

a) Trường hợp công bố hợp quy dựa trên kết quả chứng nhận hợp quy của tổ chức chứng nhận (gồm các cấp giống siêu nguyên chủng, bố mẹ giống lai, hạt lai F1; Khuyến khích áp dụng cho các cấp giống khác), hồ sơ bao gồm:

- Bản công bố hợp quy theo mẫu Phụ lục 15 của Thông tư số 79/2011/TT-TTBNNPTNT;

- Bản sao có chứng thực trong trường hợp nộp hồ sơ qua đường bưu điện hoặc bản sao có bản chính để đối chiếu trong trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp Giấy chứng nhận hợp quy của 01 lô giống đại diện cho mỗi giống được sản xuất, kinh doanh do tổ chức chứng nhận được chỉ định cấp;

- Bản mô tả tóm tắt về từng giống cây trồng được sản xuất, kinh doanh (tên giống, nguồn gốc, đặc điểm chủ yếu, hướng dẫn sử dụng, yêu cầu kỹ thuật).

- Các hồ sơ quy định tại Điều 4, Thông tư số 42/2009/TT-BNNPTNT ngày 10/7/2009 của Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định về quản lý sản xuất, kinh doanh và sử dụng hạt giống lúa siêu nguyên chủng, nguyên chủng, xác nhận, giống lúa bố mẹ lúa lai và hạt lai F1.

b) Trường hợp công bố hợp quy dựa trên kết quả tự đánh giá của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh giống cây trồng (chỉ dùng riêng cho giống lúa cấp nguyên chủng, xác nhận), hồ sơ bao gồm:

- Bản công bố hợp quy theo mẫu Phụ lục 15 của Thông tư số 79/2011/TT-TTBNNPTNT;

- Bản chính biên bản kiểm định đồng ruộng theo phụ lục 5 của Thông tư số 79/2011/TT-TTBNNPTNT và phiếu kết quả kiểm nghiệm mẫu của 01 lô giống đại diện cho mỗi giống được sản xuất, kinh doanh do phòng kiểm nghiệm được công nhận hoặc chỉ định cấp;

- Bản mô tả tóm tắt về từng giống cây trồng được sản xuất, kinh doanh (nguồn gốc, đặc điểm chủ yếu, hướng dẫn sử dụng, yêu cầu kỹ thuật);

- Quy trình sản xuất giống và kế hoạch kiểm soát chất lượng được xây dựng và áp dụng theo mẫu quy định tại Phụ lục 11 của Thông tư 83/2009/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2009 hướng dẫn về hoạt động chứng nhận hợp quy, công bố hợp quy thuộc lĩnh vực quản lý của Bộ Nông nghiệp và PTNT hoặc bản sao chứng chỉ phù hợp tiêu chuẩn ISO 9001 trong trường hợp tổ chức, cá nhân công bố hợp quy có hệ thống quản lý chất lượng được chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn ISO 9001.

- Các hồ sơ quy định tại Điều 4, Thông tư số 42/2009/TT-BNNPTNT ngày 10/7/2009 của Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định về quản lý sản xuất, kinh doanh và sử dụng hạt giống lúa siêu nguyên chủng, nguyên chủng, xác nhận, giống lúa bố mẹ lúa lai và hạt lai F1.

* Số lượng hồ sơ: 02 bộ.

+ *Thời gian giải quyết thủ tục hành chính:*

* Trường hợp hồ sơ không đáp ứng yêu cầu:

- Đối với hồ sơ được gửi qua đường bưu điện: Trong vòng 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Sở Nông nghiệp và PTNT thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân về những điểm, nội dung chưa phù hợp để hoàn thiện hồ sơ;

- Đối với hồ sơ được gửi trực tiếp: Công chức tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ, nếu chưa đầy đủ thì trả lại hồ sơ và hướng dẫn tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

* Trường hợp hồ sơ đầy đủ: Trong vòng 05 (năm) ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ, Sở Nông nghiệp và PTNT thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân công bố hợp quy về việc tiếp nhận bản công bố theo mẫu Phụ lục 16 của Thông tư số 79/2011/TT-TTBNNPTNT.

* *Ghi chú: Thời hạn tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ không tính vào thời hạn giải quyết hồ sơ.*

+ *Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:* Tổ chức, cá nhân.

+ *Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:*

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Nông nghiệp và PTNT Phú Yên.

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không.

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Phòng Nông nghiệp - Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Phú Yên.

d) Cơ quan Phối hợp: Phòng Nông nghiệp và PTNT, Phòng Kinh tế các huyện, thành phố.

+ *Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:* Thông báo.

+ *Phí, lệ phí:* Không.

+ *Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:* Phụ lục 15: Mẫu bản công bố hợp quy và Phụ lục 16: Mẫu thông báo tiếp nhận bản công bố hợp quy. Thông tư số 79/2011/TT-

BNNPTNT ngày 14/11/2011 của Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định về chứng nhận và công bố chất lượng giống cây trồng phù hợp quy chuẩn kỹ thuật.

+ *Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:*

- Thỏa mãn các điều kiện tại Chương V, Pháp lệnh Giống cây trồng số 15/PL-UBTVQH11, ngày 05/4/2004;

- Thỏa mãn các điều kiện tại Điều 4, Thông tư số 42/2009/TT-BNNPTNT ngày 10/7/2009 của Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định về quản lý sản xuất, kinh doanh và sử dụng hạt giống lúa siêu nguyên chủng, nguyên chủng, xác nhận, giống lúa bố mẹ lúa lai và hạt lai F1.

+ *Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:*

- Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật ngày 29/6/2006;

- Luật Chất lượng sản phẩm hàng hóa ngày 21/11/2007;

- Pháp lệnh Giống cây trồng số 15/PL-UBTVQH11, ngày 05/4/2004;

- Quyết định 24/2007/QĐ-BKHHCN ngày 28/9/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc ban hành “quy định về chứng nhận hợp quy, chứng nhận hợp quy và công bố hợp quy, công bố hợp quy”;

- Thông tư số 42/2009/TT-BNNPTNT ngày 10/7/2009 của Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định về quản lý sản xuất, kinh doanh và sử dụng hạt giống lúa siêu nguyên chủng, nguyên chủng, xác nhận, giống lúa bố mẹ lúa lai và hạt lai F1.

- Thông tư số 79/2011/TT-BNNPTNT ngày 14/11/2011 của Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định về chứng nhận và công bố chất lượng giống cây trồng phù hợp quy chuẩn kỹ thuật.

- Thông tư số 83/2009/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2009 của Bộ Nông nghiệp và PTNT hướng dẫn về hoạt động chứng nhận hợp quy, công bố hợp quy thuộc lĩnh vực quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

II. Lĩnh vực Bảo vệ thực vật

2. Thủ tục Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật

+ *Trình tự thực hiện thủ tục hành chính:*

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân có nhu cầu cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật (BVTV). Lập hồ sơ theo quy định.

- Bước 2: Tổ chức cá nhân nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Phòng Thanh tra Chi cục BVTV Phú Yên.

Công chức tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra tính hợp lệ và nội dung hồ sơ:

Kiểm tra tính đầy đủ của hồ sơ ngay khi nhận hồ sơ trực tiếp hoặc trong thời gian 02 (hai) ngày làm việc đối với hồ sơ gửi qua đường bưu điện. Nếu hồ sơ đầy đủ thì Chi cục Bảo vệ thực vật tiếp nhận hồ sơ, nếu không đầy đủ thì trả lại hồ sơ cho tổ chức và yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

Thời gian tiếp nhận hồ sơ: Giờ hành chính.

- Bước 3: Thẩm định hồ sơ.

Chi cục Bảo vệ thực vật thẩm định trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ.

- Bước 4: Thành lập đoàn đánh giá.

Trong vòng 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, Chi cục Bảo vệ thực vật ban hành quyết định thành lập đoàn đánh giá và tiến hành đánh giá thực tế. Thông báo bằng văn bản cho cơ sở về kế hoạch đánh giá trước thời điểm đánh giá ít nhất 05 (năm) ngày làm việc. Thông báo nêu rõ nội dung, thời gian, thành phần đoàn và phạm vi đánh giá.

- Bước 5: Đóng phí và cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật.

Chi cục Bảo vệ thực vật xem xét kết quả đánh giá trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc đánh giá: Nếu hồ sơ hợp lệ thì cấp giấy chứng nhận cho cơ sở đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật theo mẫu qui định tại Phụ lục VII ban hành kèm theo Thông tư 14/2013/TT-BNNPTNT. Nếu hồ sơ chưa hợp lệ thì thông báo bằng văn bản cho cơ sở những điều kiện không đạt, yêu cầu và thời hạn khắc phục. Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận được bản báo cáo khắc phục của cơ sở hoặc kết quả kiểm tra lại (khi cần thiết),

+ *Cách thức thực hiện thủ tục hành chính*: Nộp trực tiếp tại cơ quan hoặc qua đường bưu điện.

+ *Thành phần, số lượng hồ sơ*:

* Thành phần hồ sơ gồm:

- Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật theo mẫu quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư 14/2013/TT-BNNPTNT.

- Bản sao chụp (mang theo bản gốc để đối chiếu) hoặc bản sao chứng thực Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh ngành hàng thuốc bảo vệ thực vật hoặc vật tư nông nghiệp.

- Bản sao chụp (mang theo bản gốc để đối chiếu) hoặc bản sao chứng thực Chứng chỉ hành nghề buôn bán thuốc bảo vệ thực vật của chủ cơ sở.

- Tờ khai về điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật theo quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư 14/2013/TT-BNNPTNT.

- Theo quy định tại Nghị định 29/2011/NĐ-CP ngày 18/4/2011 và Thông tư 14/2013/TT-BNNPTNT.

+ Đối với cơ sở buôn bán có nơi chứa thuốc từ 5000 kg trở lên: Phải có một trong các loại giấy tờ sau: Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường, Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường bổ sung, quyết định phê duyệt hoặc giấy xác nhận đề án bảo vệ môi trường chi tiết, giấy chứng nhận đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường, giấy xác nhận hoặc thông báo chấp nhận đăng ký Bản cam kết bảo vệ môi trường.

+ Đối với cơ sở buôn bán có nơi chứa thuốc BVTV dưới 5000 kg: Cần phải có một trong các loại giấy tờ sau: giấy xác nhận hoặc thông báo chấp nhận đăng ký Bản cam kết bảo vệ môi trường, giấy chứng nhận đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường, giấy xác nhận đăng ký đề án bảo vệ môi trường, giấy xác nhận đăng ký đề án bảo vệ môi trường đơn giản.

* Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

+ *Thời gian giải quyết thủ tục hành chính*:

- Thời hạn kiểm tra và trả lời về tính đầy đủ của hồ sơ: ngay khi nhận hồ sơ trực tiếp hoặc trong thời gian 02 (hai) ngày làm việc đối với hồ sơ gửi qua đường bưu điện.

- Thời hạn kiểm tra và trả lời về tính hợp lệ của hồ sơ: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ.

- Thời hạn thành lập đoàn đánh giá và thực hiện đánh giá: 07 ngày làm việc.

- Thời gian thông báo cho cơ sở về kế hoạch đánh giá trước thời điểm đánh giá 05 ngày.

- Thời hạn cấp giấy: 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc đánh giá hoặc 03 ngày nhận được bản báo cáo khắc phục của cơ sở hoặc kết quả kiểm tra lại.

+ *Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính*: Tổ chức, cá nhân.

+ *Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính*:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chi cục BVTV Phú Yên.

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không.

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Phòng Thanh tra.

d) Cơ quan phối hợp: Không.

+ *Kết quả thực hiện thủ tục hành chính*: Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh thuốc BVTV, có thời hạn 05 (năm) năm.

+ *Phí, lệ phí*:

- Thẩm định cửa hàng: 500 000đ; Đại lý: 1 000 000đ. (Theo Thông tư số 223/2012/TT-BTC ngày 24/12/2012 quy định chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực BVTV).

+ *Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai*:

- Đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật. (Phụ lục 1 Ban hành kèm theo Thông tư 14/2013/TT-BNNPTNT ngày 25/02/2013).

- Mẫu tờ khai điều kiện buôn bán thuốc Bảo vệ thực vật. (Phụ lục III Ban hành kèm theo Thông tư 14/2013/TT-BNNPTNT ngày 25/02/2013).

+ *Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính*:

a) Điều kiện chung:

- Các loại thuốc bảo vệ thực vật buôn bán tại cửa hàng ở dạng thành phẩm có trong Danh mục thuốc bảo vệ thực vật được phép, hạn chế sử dụng ở Việt Nam.

- Không được bán thuốc bảo vệ thực vật chung với các loại hàng hóa khác như: lương thực, thực phẩm, hàng giải khát, thức ăn chăn nuôi, thuốc y tế, thuốc thú y và các hàng tiêu dùng khác.

- Cửa hàng buôn bán thuốc bảo vệ thực vật không được đặt trong các khu vực kinh doanh hàng hóa thực phẩm, các khu vực dịch vụ ăn uống, vui chơi giải trí, trường học, bệnh viện.

b) Điều kiện cụ thể:

- Nhân sự.

- Địa điểm.

- Trang thiết bị và các yêu cầu liên quan.

- Nơi chứa thuốc bảo vệ thực vật của cửa hàng.

(Theo Điều 10, Điều 11 Thông tư 14/2013/TT-BNNPTNT ngày 25/02/2013 Quy định cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh thuốc BVTV).

+ *Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:*

- Thông tư số 03/2013/TT-BNNPTNT ngày 11/01/2013 của Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định về quản lý thuốc bảo vệ thực vật.

- Thông tư số 14/2013/TT-BNNPTNT ngày 25/02/2013 quy định cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh thuốc BVTV.

- Thông tư số 223/2012/TT-BTC ngày 24/12/2012 của Bộ Tài chính quy định chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực bảo vệ thực vật.

3. Thủ tục Gia hạn chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật

+ *Trình tự thực hiện thủ tục hành chính:*

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân có nhu cầu gia hạn giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh thuốc BVTV trước 03 (ba) tháng tính đến ngày Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật hết hạn. Lập hồ sơ theo quy định.

- Bước 2: Nộp hồ sơ.

Tổ chức cá nhân nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Phòng Thanh tra Chi cục BVTV Phú Yên.

Công chức tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra tính hợp lệ và nội dung hồ sơ:

Kiểm tra tính đầy đủ của hồ sơ ngay khi nhận hồ sơ trực tiếp hoặc trong thời gian 02 (hai) ngày làm việc đối với hồ sơ gửi qua đường bưu điện. Nếu hồ sơ đầy đủ thì Chi cục Bảo vệ thực vật tiếp nhận hồ sơ, nếu không đầy đủ thì trả lại hồ sơ cho tổ chức và yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

Thời gian tiếp nhận hồ sơ: Giờ hành chính.

- Bước 3: Thẩm định hồ sơ.

Chi cục Bảo vệ thực vật thẩm định trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ.

- Bước 4: Thành lập đoàn đánh giá.

Trong vòng 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, Chi cục Bảo vệ thực vật ban hành quyết định thành lập đoàn đánh giá và tiến hành đánh giá thực tế. Thông báo bằng văn bản cho cơ sở về kế hoạch đánh giá trước thời điểm đánh giá ít nhất 05 (năm) ngày làm việc. Thông báo nêu rõ nội dung, thời gian, thành phần đoàn và phạm vi đánh giá.

- Bước 5: Đóng phí và cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật.

Chi cục Bảo vệ thực vật xem xét kết quả đánh giá trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc đánh giá: Nếu hồ sơ hợp lệ thì gia hạn giấy chứng nhận cho cơ sở đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật theo mẫu qui định tại Phụ lục VII ban hành kèm theo Thông tư 14/2013/TT-BNNPTNT. Nếu hồ sơ chưa hợp lệ thì thông báo bằng văn bản cho cơ sở những điều kiện không đạt, yêu cầu và thời hạn khắc phục. Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận được bản báo cáo khắc phục của cơ sở hoặc kết quả kiểm tra lại (khi cần thiết),

Trong trường hợp cơ sở có các kết quả kiểm tra định kỳ theo quy định của Thông tư số 14/2011/TT-BNNPTNT ngày 29/3/2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đạt Loại A trong vòng 01 (một) năm tính đến thời điểm gia hạn, thì Chi cục Bảo vệ thực vật cấp Giấy chứng nhận theo mẫu quy định tại Phụ lục VII ban hành kèm theo Thông tư này, không thành lập đoàn đánh giá thực địa.

+ *Cách thức thực hiện thủ tục hành chính:* Nộp trực tiếp tại cơ quan hoặc qua đường bưu điện.

+ *Thành phần, số lượng hồ sơ:*

a) Thành phần hồ sơ gồm:

- Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật theo mẫu quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư 14/2013/TT-BNNPTNT.

- Bản sao chụp (mang theo bản gốc để đối chiếu) hoặc bản sao chứng thực Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh ngành hàng thuốc bảo vệ thực vật hoặc vật tư nông nghiệp (nếu có thay đổi).

- Bản sao chụp (mang theo bản gốc để đối chiếu) hoặc bản sao chứng thực Chứng chỉ hành nghề buôn bán thuốc bảo vệ thực vật của chủ cơ sở.(nếu có thay đổi)

- Bản chính Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật đã được cấp.

- Tờ khai về điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật theo quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư 14/2013/TT-BNNPTNT.

- Bản sao chứng thực Biểu mẫu hoặc Biên bản kiểm tra, đánh giá phân loại điều kiện đảm bảo chất lượng cơ sở buôn bán thuốc bảo vệ thực vật của các cơ quan chức năng theo quy định của Thông tư số 14/2011/TT-BNNPTNT ngày 29/3/2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (nếu có).

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

+ *Thời gian giải quyết thủ tục hành chính:*

- Thời hạn kiểm tra và trả lời về tính đầy đủ của hồ sơ: ngay khi nhận hồ sơ trực tiếp hoặc trong thời gian 02 (hai) ngày làm việc đối với hồ sơ gửi qua đường bưu điện

- Thời hạn kiểm tra và trả lời về tính hợp lệ của hồ sơ: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ.

- Thời hạn thành lập đoàn đánh giá và thực hiện đánh giá: 07 ngày làm việc.

- Thời gian thông báo cho cơ sở về kế hoạch đánh giá trước thời điểm đánh giá 05 ngày.

- Thời hạn cấp giấy: 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc đánh giá hoặc 03 ngày nhận được bản báo cáo khắc phục của cơ sở hoặc kết quả kiểm tra lại.

+ *Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:* Tổ chức, cá nhân.

+ *Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:*

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chi cục BVTV Phú Yên.

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không.

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Phòng Thanh tra.

d) Cơ quan phối hợp: Không.

+ *Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:* Gia hạn giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh thuốc BVTV, có thời hạn 05 (năm).

+ *Phí, lệ phí:* Thẩm định cửa hàng: 500.000đ; Đại lý: 1.000.000đ (Theo Thông tư số 223/2012/TT-BTC ngày 24/12/2012 quy định chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực BVTV).

+ *Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:*

- Đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật. (Phụ lục 1 Ban hành kèm theo Thông tư 14/2013/TT-BNNPTNT ngày 25/02/2013).

- Mẫu tờ khai điều kiện buôn bán thuốc Bảo vệ thực vật. (Phụ lục III Ban hành kèm theo Thông tư 14/2013/TT-BNNPTNT ngày 25/02/2013).

+ *Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:*

a) Điều kiện chung:

- Các loại thuốc bảo vệ thực vật buôn bán tại cửa hàng ở dạng thành phẩm có trong Danh mục thuốc bảo vệ thực vật được phép, hạn chế sử dụng ở Việt Nam.

- Không được bán thuốc bảo vệ thực vật chung với các loại hàng hóa khác như: lương thực, thực phẩm, hàng giải khát, thức ăn chăn nuôi, thuốc y tế, thuốc thú y và các hàng tiêu dùng khác.

- Cửa hàng buôn bán thuốc bảo vệ thực vật không được đặt trong các khu vực kinh doanh hàng hóa thực phẩm, các khu vực dịch vụ ăn uống, vui chơi giải trí, trường học, bệnh viện.

b) Điều kiện cụ thể:

- Nhân sự

- Địa điểm

- Trang thiết bị và các yêu cầu liên quan

- Nơi chứa thuốc bảo vệ thực vật của cửa hàng

(Theo Điều 10, Điều 11 Thông tư 14/2013/TT-BNNPTNT ngày 25/02/2013 Quy định cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh thuốc BVTV)

+ *Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:*

- Thông tư số 03/2013/TT-BNNPTNT ngày 11/01/2013 của Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định về quản lý thuốc bảo vệ thực vật.

- Thông tư số 14/2013/TT-BNNPTNT ngày 25/02/2013 của Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh thuốc BVTV.

- Thông tư 223/2012/TT-BTC ngày 24/12/2012 của Bộ Tài chính quy định chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực bảo vệ thực vật.

4. Thủ tục Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật

+ *Trình tự thực hiện thủ tục hành chính:*

1. Các trường hợp cấp lại:

a) Giấy chứng nhận vẫn còn hiệu lực nhưng bị mất, thất lạc;

b) Giấy chứng nhận vẫn còn hiệu lực nhưng bị hư hỏng, không thể tiếp tục sử dụng;

c) Khi phát hiện có sai sót hoặc thay đổi các thông tin trên Giấy chứng nhận.

Các trường hợp quy định tại điểm b, c khoản này, khi cấp lại phải thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp.

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân có nhu cầu cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh thuốc BVTV, lập hồ sơ theo quy định.

- Bước 2: Nộp hồ sơ.

Tổ chức cá nhân nộp hồ sơ tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Phòng Thanh tra Chi cục BVTV Phú Yên.

Công chức tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra tính hợp lệ và nội dung hồ sơ:

Kiểm tra tính đầy đủ của hồ sơ ngay khi nhận hồ sơ trực tiếp hoặc trong thời gian 02 (hai) ngày làm việc đối với hồ sơ gửi qua đường bưu điện. Nếu hồ sơ đầy đủ thì Chi cục Bảo vệ thực vật tiếp nhận hồ sơ, nếu không đầy đủ thì trả lại hồ sơ cho tổ chức và yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

Thời gian tiếp nhận hồ sơ: Giờ hành chính.

- Bước 3: Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật

Chi Cục bảo vệ thực vật cấp tỉnh xem xét, đối chiếu với hồ sơ lưu trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ. Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật theo mẫu quy định tại Phụ lục VII của Thông tư 14/2013/TT-BNNPTNT. Số, ngày cấp và thời hạn hiệu lực theo bản Giấy chứng nhận gốc và ghi rõ bản sao.

Trường hợp không cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật, Chi Cục bảo vệ thực vật cấp tỉnh trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

+ *Cách thức thực hiện thủ tục hành chính:* Nộp trực tiếp tại cơ quan hoặc qua đường bưu điện.

+ *Thành phần, số lượng hồ sơ:*

a) Thành phần hồ sơ gồm:

- Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật theo mẫu quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư 14/2013/TT-BNNPTNT.

- Giấy chứng nhận đã được cấp (Đối với các trường hợp giấy chứng nhận vẫn còn hiệu lực nhưng bị hư hỏng, sai sót, thay đổi các thông tin trên giấy chứng nhận).

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

+ *Thời gian giải quyết thủ tục hành chính:*

- Thời hạn kiểm tra và trả lời về tính đầy đủ của hồ sơ: ngay khi nhận hồ sơ trực tiếp hoặc trong thời gian 02 (hai) ngày làm việc đối với hồ sơ gửi qua đường bưu điện.

- Thời hạn xem xét đối chiếu với hồ sơ lưu trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ.

+ *Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:* Tổ chức, cá nhân.

+ *Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:*

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chi cục BVTV Phú Yên.

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Phòng Thanh tra.
- Cơ quan phối hợp: Không.
- + *Kết quả thực hiện thủ tục hành chính*: Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh thuốc BVTV.
- + *Phí, lệ phí*: Không.
- + *Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai*: Đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận đủ kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật. (Phụ lục 1 Ban hành kèm theo Thông tư 14/2013/TT-BNNPTNT ngày 25/02/2013).
- + *Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính*:
 - a) Điều kiện chung:
 - Các loại thuốc bảo vệ thực vật buôn bán tại cửa hàng ở dạng thành phẩm có trong Danh mục thuốc bảo vệ thực vật được phép, hạn chế sử dụng ở Việt Nam.
 - Không được bán thuốc bảo vệ thực vật chung với các loại hàng hóa khác như: lương thực, thực phẩm, hàng giải khát, thức ăn chăn nuôi, thuốc y tế, thuốc thú y và các hàng tiêu dùng khác.
 - Cửa hàng buôn bán thuốc bảo vệ thực vật không được đặt trong các khu vực kinh doanh hàng hóa thực phẩm, các khu vực dịch vụ ăn uống, vui chơi giải trí, trường học, bệnh viện.
 - b) Điều kiện cụ thể:
 - Nhân sự.
 - Địa điểm.
 - Trang thiết bị và các yêu cầu liên quan.
 - Nơi chứa thuốc bảo vệ thực vật của cửa hàng.
 (Theo Điều 10, Điều 11 Thông tư 14/2013/TT-BNNPTNT ngày 25/02/2013 quy định cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh thuốc BVTV).
- + *Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính*:
 - Thông tư số 03/2013/TT-BNNPTNT ngày 11/01/2013 của Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định về quản lý thuốc bảo vệ thực vật.
 - Thông tư 14/2013/TT-BNNPTNT ngày 25/02/2013 quy định cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh thuốc BVTV.
 - Thông tư 223/2012/TT-BTC ngày 24/12/2012 của Bộ Tài chính quy định chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực bảo vệ thực vật.

5. Thủ tục Cấp giấy phép vận chuyển thuốc, nguyên liệu thuốc bảo vệ thực vật

- + *Trình tự thực hiện thủ tục hành chính*:
 - Bước 1: Tổ chức, cá nhân có nhu cầu cấp giấy Cấp giấy phép vận chuyển thuốc, nguyên liệu thuốc bảo vệ thực vật lập hồ sơ theo quy định.
 - Bước 2: Tổ chức cá nhân nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Phòng Thanh tra Chi cục BVTV Phú Yên.
 - Bước 3: Thẩm định hồ sơ và cấp giấy.
- Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc từ khi nhận hồ sơ đầy đủ theo đúng quy định, cơ quan có thẩm quyền thẩm định hồ sơ, nếu hồ sơ hợp lệ thì cấp Giấy phép vận chuyển thuốc, nguyên liệu thuốc bảo vệ thực vật.

Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, trong vòng 01 (một) ngày làm việc từ khi nhận hồ sơ đầy đủ, cơ quan có thẩm quyền thông báo cho tổ chức, cá nhân những nội dung cần bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ theo đúng quy định.

Trường hợp không cấp Giấy phép vận chuyển thuốc, nguyên liệu thuốc bảo vệ thực vật, trong vòng 01 (một) ngày làm việc, cơ quan có thẩm quyền thông báo cho tổ chức, cá nhân bằng văn bản và nêu rõ lý do.

+ *Cách thức thực hiện thủ tục hành chính*: Nộp trực tiếp tại cơ quan hoặc qua đường bưu điện.

+ *Thành phần, số lượng hồ sơ*:

* Thành phần hồ sơ gồm:

- Đơn đề nghị cấp Giấy phép vận chuyển thuốc, nguyên liệu thuốc bảo vệ thực vật theo mẫu quy định tại Phụ lục X ban hành kèm theo Thông tư số 03/2013/TT-BNNPTNT, ngày 11/01/2013;

- Bản sao chụp Giấy chứng nhận huấn luyện về an toàn lao động trong vận chuyển, bảo quản thuốc, nguyên liệu thuốc bảo vệ thực vật của người điều khiển phương tiện hoặc người áp tải hàng (khi nộp mang theo bản chính để đối chiếu);

- Một trong các giấy tờ sau (bản sao chứng thực):

Hợp đồng cung ứng;

Hợp đồng vận chuyển thuốc, nguyên liệu thuốc bảo vệ thực vật;

Hóa đơn tài chính về xuất, nhập hàng hóa thuốc bảo vệ thực vật;

Bản kê khai vận chuyển hàng hóa của công ty (có xác nhận và dấu của công ty).

- Lịch trình vận chuyển hàng hóa, địa chỉ và điện thoại của chủ hàng (có xác nhận và dấu của công ty).

* Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

+ *Thời gian giải quyết thủ tục hành chính*: 03 ngày làm việc kể từ ngày nộp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ.

+ *Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính*: Tổ chức, cá nhân.

+ *Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính*:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chi cục BVTV Phú Yên.

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Phòng Thanh tra.

- Cơ quan Phối hợp thực hiện thủ tục hành chính: Không.

+ *Kết quả thực hiện thủ tục hành chính*:

- Giấy phép vận chuyển thuốc, nguyên liệu thuốc bảo vệ thực vật.

- Thời gian có hiệu lực của kết quả: cấp theo từng chuyến hoặc từng thời kỳ nhưng không quá 12 tháng, kể từ ngày cấp.

+ *Phí, lệ phí*: 300.000đ (Theo Thông tư số 223/2012/TT-BTC ngày 24/12/2012 Quy định chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực BVTV).

+ *Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai*: Mẫu đơn đề nghị cấp giấy phép vận chuyển thuốc, nguyên liệu thuốc bảo vệ thực vật (Phụ lục X Thông tư số 03/2013/TT-BNNPTNT, ngày 11/01/2013).

+ *Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:* Các loại thuốc bảo vệ thực vật được quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định 104/2009/NĐ-CP ngày 9/1/2009 của Chính phủ phải được cấp phép vận chuyển.

+ *Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:*

- Nghị định 104/2009/NĐ-CP ngày 09/01/2009 của Chính phủ danh mục hàng nguy hiểm và vận chuyển hàng nguy hiểm bằng phương tiện giao thông đường bộ.

- Thông tư số 03/2013/TT-BNNPTNT ngày 11/01/2013 của Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định về quản lý thuốc bảo vệ thực vật.

- Thông tư 223/2012/TT-BTC ngày 24/12/2012 của Bộ Tài chính quy định chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực bảo vệ thực vật.

III. Lĩnh vực Quản lý nông lâm sản và thủy sản

6. Thủ tục Kiểm tra, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh sản phẩm nông lâm thủy sản đủ điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm

+ Trình tự thực hiện thủ tục hành chính:

- Bước 1: Cơ sở sản xuất, kinh doanh sản phẩm nông lâm thủy sản (*sau đây gọi tắt là Cơ sở*) có đăng ký kinh doanh, sản phẩm chỉ phục vụ tiêu thụ nội địa lập và gửi hồ sơ đăng ký kiểm tra đến Chi cục Quản lý Chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản Phú Yên (*sau đây gọi tắt là Cơ quan kiểm tra*); Địa chỉ: 01A Lý Tự Trọng, Phường 7, TP Tuy Hòa, Phú Yên.

- Bước 2: Sau khi nhận được hồ sơ đăng ký kiểm tra của Cơ sở, Cơ quan kiểm tra phải xem xét, hướng dẫn Cơ sở bổ sung những nội dung còn thiếu hoặc chưa đúng quy định.

- Bước 3: Nếu hồ sơ đăng ký phù hợp, Cơ quan kiểm tra thông báo cho Cơ sở thời gian sẽ tiến hành kiểm tra.

- Bước 4: Cơ quan kiểm tra tiến hành kiểm tra tại Cơ sở.

- Bước 5: Công nhận kết quả kiểm tra:

- Đối với Cơ sở đạt yêu cầu (xếp loại A và B): Thông báo kết quả kiểm tra tới Cơ sở và cấp Giấy chứng nhận.

- Đối với Cơ sở không đạt yêu cầu (xếp loại C): Thông báo cơ sở chưa đủ điều kiện và yêu cầu có báo cáo kết quả khắc phục cụ thể đối với nhóm ngành hàng được kiểm tra. Tùy theo mức độ sai lỗi của cơ sở, Cơ quan kiểm tra quyết định thời hạn khắc phục và tổ chức kiểm tra lại.

+ Cách thức thực hiện thủ tục hành chính:

- Trực tiếp (Cơ sở kiểm tra mang bộ hồ sơ tới nộp tại Cơ quan kiểm tra);

- Qua đường bưu điện;

- Fax có xác nhận qua điện thoại (sau đó Cơ sở gửi 01 Giấy đăng ký kiểm tra bản chính tới cơ quan kiểm tra, các hồ sơ còn lại cơ sở cung cấp khi Đoàn kiểm tra đến kiểm tra tại cơ sở);

- Thư điện tử (sau đó cơ sở gửi 01 Giấy đăng ký kiểm tra tới Cơ quan kiểm tra, các hồ sơ còn lại Cơ sở cung cấp khi Đoàn kiểm tra đến kiểm tra);

- Đăng ký trực tuyến (sau đó Cơ sở gửi 01 Giấy đăng ký kiểm tra tới Cơ quan kiểm tra, các hồ sơ còn lại Cơ sở cung cấp khi Đoàn kiểm tra đến kiểm tra);

Thời gian tiếp nhận hồ sơ: Sáng từ 7h30 đến 11h, Chiều từ 14h đến 16h30 các ngày làm việc trong tuần.

+ Thành phần, số lượng hồ sơ:

* Thành phần hồ sơ gồm:

- Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận ATTP (Theo mẫu tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư số 01/2013/TT-BNNPTNT ngày 04/01/2013);

- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đầu tư có ngành nghề sản xuất, kinh doanh thực phẩm hoặc quyết định thành lập của Cơ sở;

- Bản thuyết minh về cơ sở vật chất, trang thiết bị, dụng cụ bảo đảm điều kiện an toàn thực phẩm (Theo phụ lục 3 ban hành kèm theo Thông tư số 01/2013/TT-BNNPTNT ngày 04/01/2013);

- Danh sách chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm đã được các cơ quan có chức năng quản lý chất lượng, an toàn thực phẩm nông lâm thủy sản của ngành Nông nghiệp và PTNT tập huấn kiến thức về an toàn thực phẩm có xác nhận của cơ sở sản xuất, kinh doanh;

- Danh sách chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất kinh doanh thực phẩm đã được cơ sở y tế cấp huyện trở lên cấp xác nhận đủ sức khỏe;

- Giấy chứng nhận ATTP (đối với trường hợp cơ sở có sự thay đổi, bổ sung thông tin trên Giấy chứng nhận ATTP);

* Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

+ Thời hạn giải quyết thủ tục hành chính: 22 (hai mươi hai) ngày làm việc, kể từ: ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ - hoàn thành kiểm tra.

Bao gồm: 15 (mười lăm) ngày làm việc: Thẩm tra hồ sơ, thông báo kế hoạch kiểm tra và kiểm tra, đánh giá tại Cơ sở; 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra: Xử lý kết quả và thông báo kết quả kiểm tra, công nhận.

+ Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chi cục Quản lý Chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản Phú Yên.

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không.

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Chi cục Quản lý Chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản Phú Yên.

d) Cơ quan phối hợp (nếu có): Không.

+ Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

+ Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận ATTP (Theo mẫu tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư số 01/2013/TT-BNNPTNT ngày 04/01/2013);

- Bản thuyết minh về cơ sở vật chất, trang thiết bị, dụng cụ bảo đảm điều kiện an toàn thực phẩm (Theo phụ lục 3 Ban hành kèm theo Thông tư số 01/2013/TT-BNNPTNT ngày 04/01/2013).

+ Phí, lệ phí:

* Mức phí:

- Phí thẩm xét hồ sơ cấp giấy chứng nhận cơ sở sản xuất kinh doanh thực phẩm nông lâm thủy sản: 500.000 đồng/lần/cơ sở.
- Phí thẩm định cơ sở sản xuất thực phẩm:
 - Cơ sở sản xuất thực phẩm nhỏ lẻ: 1.000.000 đồng/lần/cơ sở.
 - Cơ sở sản xuất thực phẩm doanh thu \leq 100 triệu đồng/tháng: 2.000.000 đồng/lần/cơ sở.
 - Cơ sở sản xuất thực phẩm doanh thu $>$ 100 triệu đồng/tháng: 3.000.000 đồng/lần/cơ sở.
- Phí thẩm định cơ sở kinh doanh thực phẩm:
 - Cửa hàng bán lẻ thực phẩm: 500.000 đồng/lần/cơ sở.
 - Đại lý, cửa hàng bán buôn thực phẩm: 1.000.000 đồng/lần/cơ sở.
- * Lệ phí:
 - Lệ phí cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm: 150.000 đồng/lần cấp.
- + *Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:* Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP trong sản xuất kinh doanh sản phẩm nông lâm thủy sản. Thời hạn hiệu lực của kết quả: 03 năm.
- + *Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:*
 - Các cơ sở có Giấy đăng ký kinh doanh do cấp Trung ương, cấp tỉnh hoặc Phòng đăng ký kinh doanh tại khu kinh tế cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, hoạt động trong lĩnh vực:
 - Sản xuất ban đầu nông, lâm, thủy sản, muối bao gồm: quá trình trồng trọt, chăn nuôi, thu hái, đánh bắt, khai thác nông, lâm, thủy sản; sản xuất muối.
 - Sản xuất, thu gom, giết mổ, sơ chế, chế biến, bảo quản, vận chuyển, xuất khẩu, nhập khẩu, kinh doanh đối với ngũ cốc; thịt và các sản phẩm từ thịt; thủy sản và sản phẩm thủy sản; rau, củ, quả và sản phẩm rau, củ, quả; trứng và các sản phẩm từ trứng; sữa tươi nguyên liệu; mật ong và các sản phẩm từ mật ong; thực phẩm biến đổi gen; muối; gia vị; đường; chè; cà phê; ca cao; hạt tiêu; điều và các nông sản thực phẩm; dụng cụ, vật liệu bao gói, chứa đựng thực phẩm thuộc lĩnh vực được phân công quản lý.
 - Cơ sở chưa được công nhận.
 - Cơ sở đã được công nhận nhưng sửa chữa, thay đổi mặt bằng sản xuất (dẫn đến khả năng xuất hiện mối nguy ATTP khác với đánh giá, công nhận trước đó).
 - Cơ sở bổ sung sản phẩm mới (có mối nguy ATTP khác với sản phẩm đã được công nhận).
 - Cơ sở bị thu hồi giấy chứng nhận, nhưng đã khắc phục các sai lỗi.
- + *Căn cứ pháp lý của TTHC:*
 - Luật An toàn thực phẩm số 55/2010/QH12 ngày 17/6/2010;
 - Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa số 05/2007/QH12 ngày 21/11/2007;
 - Nghị định số 38/2012/NĐ-CP ngày 25/4/2012 của Chính phủ về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm;
 - Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm hàng hóa;

- Thông tư số 14/2011/TT-BNNPTNT ngày 29/3/2011 của Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định việc kiểm tra, đánh giá cơ sở sản xuất kinh doanh vật tư nông nghiệp và sản phẩm nông lâm thủy sản;
- Thông tư số 53/2011/TT-BNNPTNT ngày 02/8/2011 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 14/2011/TT-BNNPTNT ngày 29/3/2011;
- Thông tư số 35/2012/TT-BNNPTNT ngày 27/7/2012 bổ sung thông tư số 14/2011/TT-BNNPTNT ngày 29/3/2011;
- Thông tư số 01/2013/TT-BNNPTNT ngày 04/01/2013 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 14/2011/TT-BNNPTNT ngày 29/3/2011 quy định việc kiểm tra, đánh giá cơ sở sản xuất kinh doanh vật tư nông nghiệp và sản phẩm nông lâm thủy sản và thay thế một số biểu mẫu được ban hành kèm theo Thông tư số 53/2011/TT-BNNPTNT ngày 02/8/2011 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 14/2011/TT-BNNPTNT ngày 29/3/2011;
- Thông tư số 149/2013/TT-BTC ngày 29/10/2013 của Bộ Tài chính.

7. Thủ tục Kiểm tra cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm cho cơ sở sản xuất, kinh doanh sản phẩm nông lâm thủy sản

+ *Trình tự thực hiện thủ tục hành chính:*

- Bước 1: Cơ sở sản xuất, kinh doanh sản phẩm nông lâm thủy sản (*sau đây gọi tắt là Cơ sở*) gửi văn bản tới Chi cục Quản lý Chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản Phú Yên (*sau đây gọi tắt là Cơ quan kiểm tra*); Địa chỉ: 01A Lý Tự Trọng, Phường 7, TP Tuy Hòa, Phú Yên.

- Trước 06 (sáu) tháng tính đến ngày Giấy chứng nhận ATTP hết hạn, cơ sở nộp hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận ATTP trong trường hợp tiếp tục sản xuất kinh doanh.

Hồ sơ, trình tự, thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận ATTP trong trường hợp này tương tự như thủ tục cấp Giấy chứng nhận ATTP lần đầu.

- Trường hợp Giấy chứng nhận ATTP vẫn còn thời hạn hiệu lực nhưng bị mất, bị hỏng, thất lạc, hoặc có sự thay đổi, bổ sung thông tin trên Giấy chứng nhận ATTP, cơ sở phải có văn bản đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận ATTP theo Phụ lục 2 (*Ban hành kèm theo Thông tư số 01/2013/TT-BNNPTNT ngày 04 /01/2013*) gửi cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận ATTP để được xem xét cấp lại.

- Bước 2: Cơ quan kiểm tra thực hiện cấp lại Giấy chứng nhận ATTP cho Cơ sở.

Trong thời gian 05 (năm) ngày làm việc kể từ khi nhận được văn bản đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận ATTP của cơ sở, cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận ATTP thực hiện thẩm tra hồ sơ và xem xét, cấp lại Giấy chứng nhận ATTP cho cơ sở. Thời hạn của Giấy chứng nhận ATTP đối với trường hợp cấp lại trùng với thời hạn hết hiệu lực của Giấy chứng nhận ATTP đã được cấp trước đó. Trường hợp không cấp lại, cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận ATTP phải có văn bản thông báo và nêu rõ lý do.

+ *Cách thức thực hiện thủ tục hành chính:*

- Trực tiếp tại cơ quan hành chính; Qua đường bưu điện; Fax (sau đó gửi hồ sơ bản chính); Thư điện tử (sau đó gửi hồ sơ bản chính); Mạng điện tử (sau đó gửi hồ sơ bản chính);

Thời gian tiếp nhận hồ sơ: Sáng từ 7h30 đến 11h, Chiều từ 14h đến 16h30 trong các ngày làm việc trong tuần.

+ Thành phần, số lượng hồ sơ:

* Thành phần hồ sơ gồm: Đơn đề nghị cấp lại giấy chứng nhận ATTP (Theo mẫu tại Phụ lục 2 Ban hành kèm theo Thông tư số 01/2013/TT-BNNPTNT ngày 04/01/2013)

* Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

+ Thời hạn giải quyết thủ tục hành chính: 05 ngày làm việc kể từ khi nhận được văn bản đề nghị cấp lại của Cơ sở.

+ Cơ quan thực hiện thủ tục chính.

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chi cục Quản lý Chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản Phú Yên.

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Chi cục Quản lý Chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản Phú Yên.

- Cơ quan phối hợp thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không.

+ Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

+ Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm (Theo mẫu tại Phụ lục 2 Ban hành kèm theo Thông tư số 01/2013/TT-BNNPTNT ngày 04/01/2013).

+ Phí, lệ phí:

* Mức phí:

- Phí thẩm xét hồ sơ cấp giấy chứng nhận cơ sở sản xuất kinh doanh thực phẩm nông lâm thủy sản: 500.000 đồng/lần/cơ sở.

- Phí thẩm định cơ sở sản xuất thực phẩm:

+ Cơ sở sản xuất thực phẩm nhỏ lẻ: 1.000.000 đồng/lần/cơ sở.

+ Cơ sở sản xuất thực phẩm doanh thu \leq 100 triệu đồng/tháng: 2.000.000 đồng/lần/cơ sở.

+ Cơ sở sản xuất thực phẩm doanh thu $>$ 100 triệu đồng/tháng: 3.000.000 đồng/lần/cơ sở.

- Phí thẩm định cơ sở kinh doanh thực phẩm:

+ Cửa hàng bán lẻ thực phẩm: 500.000 đồng/lần/cơ sở.

+ Đại lý, cửa hàng bán buôn thực phẩm: 1.000.000 đồng/lần/cơ sở.

* Lệ phí: Lệ phí cấp lại Giấy chứng nhận: 150.000 đồng/lần cấp.

+ Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP trong sản xuất kinh doanh sản phẩm nông lâm thủy sản.

+ Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

+ Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật An toàn thực phẩm số 55/2010/QH12 ngày 17/6/2010;

- Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa số 05/2007/QH12 ngày 21/11/2007;

- Nghị định số 38/2012/NĐ-CP ngày 25/4/2012 của Chính phủ về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm;
- Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm hàng hóa;
- Thông tư số 14/2011/TT-BNNPTNT ngày 29/3/2011 của Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định việc kiểm tra, đánh giá cơ sở sản xuất kinh doanh vật tư nông nghiệp và sản phẩm nông lâm thủy sản;
- Thông tư số 53/2011/TT-BNNPTNT ngày 02/8/2011 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 14/2011/TT-BNNPTNT ngày 29/3/2011;
- Thông tư số 35/2012/TT-BNNPTNT ngày 27/7/2012 bổ sung thông tư số 14/2011/TT-BNNPTNT ngày 29/3/2011;
- Thông tư số 01/2013/TT-BNNPTNT ngày 04/01/2013 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 14/2011/TT-BNNPTNT ngày 29/3/2011 quy định việc kiểm tra, đánh giá cơ sở sản xuất kinh doanh vật tư nông nghiệp và sản phẩm nông lâm thủy sản và thay thế một số biểu mẫu được ban hành kèm theo Thông tư số 53/2011/TT-BNNPTNT ngày 02/8/2011 Sửa đổi, bổ sung Thông tư số 14/2011/TT-BNNPTNT ngày 29/3/2011;
- Thông tư 149/2013/TT-BTC ngày 29/10/2013 của Bộ Tài chính.

IV. Lĩnh vực Lâm nghiệp

8. Thủ tục Thẩm định, phê duyệt phương án trồng rừng thay thế diện tích rừng chuyển sang mục đích khác

+ *Trình tự thực hiện thủ tục hành chính:*

- Các cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cộng đồng dân cư thôn trong nước; tổ chức, cá nhân nước ngoài là chủ dự án có chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác chịu trách nhiệm tổ chức lập phương án trồng rừng thay thế, gửi 05 bộ hồ sơ (bao gồm: 01 bộ chính, 04 bộ sao) về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thẩm định trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt phương án;

- Trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phải thành lập Hội đồng và tổ chức thẩm định. Trường hợp phải xác minh thực địa, thì thời gian thẩm định phương án không được kéo dài quá 15 (mười lăm) ngày làm việc.

- Trường hợp hồ sơ không đủ theo quy định thì trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thông báo cho chủ dự án đã gửi đề biết.

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày họp Hội đồng thẩm định, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét phê duyệt phương án. Trường hợp không đề nghị UBND cấp tỉnh xem xét phê duyệt phương án, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phải trả lời cho chủ dự án đã gửi đề nghị biết lý do.

- Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị phê duyệt phương án của Sở NN&PTNT trình, UBND cấp tỉnh phải phê duyệt phương án; trường hợp không phê duyệt, UBND cấp tỉnh phải thông báo cho Sở NN&PTNT rõ lý do để trả lời cho chủ dự án đã gửi đề nghị biết.

+ *Cách thức thực hiện thủ tục hành chính*: Trực tiếp tại cơ quan nhà nước hoặc qua bưu điện.

+ *Thành phần, số lượng hồ sơ*:

* Thành phần hồ sơ gồm:

- Văn bản đề nghị phê duyệt phương án theo mẫu tại Phụ lục 01 của Thông tư 24/2013/TT-BNNPTNT ngày 06/5/2013.

- Phương án lập theo mẫu tại Phụ lục 02 của Thông tư 24/2013/TT-BNNPTNT ngày 06/5/2013.

* Số lượng bộ hồ sơ: 05 bộ (01 bản chính và 04 bản sao).

+ *Thời hạn giải quyết TTHC*: Trong thời hạn 20-35 ngày làm việc.

+ *Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính*:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Nông nghiệp và PTNT.

- Cơ quan phối hợp (nếu có): Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi có diện tích đất trồng rừng thay thế và tổ chức khoa học có liên quan.

+ *Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính*: Cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cộng đồng dân cư thôn trong nước; tổ chức, cá nhân nước ngoài.

+ *Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai*:

- Đề nghị phê duyệt phương án trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng cho mục đích khác.

- Phương án trồng rừng thay thế.

(Phụ lục 1, Phụ lục 2 của Thông tư 24/2013/TT-BNNPTNT ngày 06/5/2013).

+ *Phí, lệ phí*: Không.

+ *Kết quả thực hiện thủ tục hành chính*:

- Kết quả: Quyết định phê duyệt phương án trồng rừng mới thay thế diện tích rừng chuyển sang sử dụng cho mục đích khác.

- Thời hạn hiệu lực của kết quả: Theo quyết định.

+ *Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính*: Không.

+ *Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính*:

Thông tư số 24/2013/TT-BNNPTNT ngày 06/5/2013 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác.

9. Thủ tục Thẩm định và phê duyệt dự án lâm sinh (đối với đơn vị, tổ chức thuộc tỉnh quản lý)

+ *Trình tự thực hiện thủ tục hành chính*:

- Chủ đầu tư là các BQL rừng, tổ chức khác (thuộc tỉnh quản lý) gửi 05 bộ hồ sơ (01 bản chính, 04 bản sao chụp) về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để thẩm định và trình phê duyệt;

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thông báo cho Chủ đầu tư để hoàn thiện hồ sơ, trong trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định;

- Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở nông nghiệp và Phát triển nông thôn phải có báo cáo thẩm định và trình Ủy ban nhân tỉnh ra quyết định;

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đã thẩm định của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trình, UBND cấp tỉnh phải phê duyệt dự án lâm sinh; Trường hợp không phê duyệt, UBND cấp tỉnh phải thông báo cho Sở Nông nghiệp và PTNT rõ lý do để trả lời cho chủ dự án đã gửi đề nghị biết.

+ *Cách thức thực hiện thủ tục hành chính:* Trực tiếp tại cơ quan nhà nước hoặc qua đường bưu điện.

+ *Thành phần, số lượng hồ sơ:*

* Thành phần hồ sơ gồm:

- Tờ trình thẩm định, phê duyệt dự án (theo mẫu tại phụ lục 4 ban hành kèm theo Thông tư 69/2011/TT-BNNPTNT ngày 21/10/2011; bản chính);

- Dự án lâm sinh, có ký tên, đóng dấu của chủ đầu tư và tổ chức, cá nhân tư vấn lập dự án; bản chính);

- Bản đồ hiện trạng sử dụng đất (bản sao hợp pháp); bản đồ tác nghiệp lâm sinh (bản chính) tỉ lệ 1/5.000 trên nền VN2000;

- Biên bản nghiệm thu ngoại nghiệp giữa Chủ đầu tư với tổ chức, cá nhân tư vấn lập dự án (bản chính), kèm biên bản thẩm tra hiện trường dự án;

- Biên bản nghiệm thu nội nghiệp giữa Chủ đầu tư với tổ chức, cá nhân tư vấn lập dự án (bản chính);

- Các văn bản pháp lý có liên quan (các Quyết định của cấp có thẩm quyền như: Chủ trương cho phép đầu tư, đề cương kỹ thuật và dự toán cho lập dự án (nếu có), chứng nhận quyền sử dụng đất (bản sao chứng thực) hoặc chủ trương cho phép sử dụng đất của cấp có thẩm quyền, quy hoạch phát triển lâm nghiệp.

* Số lượng bộ hồ sơ: 05 bộ (01 bộ chính, 04 bộ sao chụp).

+ *Thời hạn giải quyết thủ tục hành chính:* Trong thời hạn 21 ngày làm việc.

+ *Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:*

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh Phú Yên.

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Chi cục Lâm nghiệp được Sở Nông nghiệp và PTNT giao nhiệm vụ;

- Cơ quan phối hợp (nếu có): Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Kế hoạch và Đầu tư, UBND cấp huyện nơi có diện tích thực hiện dự án.

+ *Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:* Các cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cộng đồng dân cư thôn trong nước; tổ chức, cá nhân nước ngoài.

+ *Phí, lệ phí:* có thu lệ phí thẩm định.

+ *Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:*

- Tờ trình thẩm định, phê duyệt dự án (theo mẫu tại phụ lục 4 ban hành kèm theo Thông tư số 69/2011/TT-BNNPTNT);

- Dự án lâm sinh, có ký tên, đóng dấu của chủ đầu tư và tổ chức, cá nhân tư vấn lập dự án (theo mẫu tại Phụ lục 1, phụ lục 2 kèm theo Thông tư số 69/2011/TT-BNNPTNT ngày 21/10/2011).

+ *Kết quả thực hiện thủ tục hành chính*: Quyết định phê duyệt Dự án lâm sinh. thời hạn có hiệu lực: Theo quyết định.

+ *Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính*:

Có diện tích đất hoặc diện tích rừng rõ ràng, có ranh giới cụ thể; Diện tích đất của dự án có chủ cụ thể; khu đất nằm trong quy hoạch 3 loại rừng; Dự án phù hợp với quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng của địa phương; Trong trường hợp trên địa bàn chưa có quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng hoặc diện tích đất của dự án nằm ngoài quy hoạch đất lâm nghiệp hoặc không nằm trong Dự án phát triển lâm nghiệp thì phải có chủ chương cho lập dự án.

Dự án có sử dụng nguồn vốn ngân sách Nhà nước (bao gồm vốn ngân sách, vốn tín dụng do Nhà nước bảo lãnh, vốn tín dụng đầu tư của Nhà nước, vốn đầu tư phát triển của doanh nghiệp Nhà nước và các nguồn vốn khác do Nhà nước quản lý) trên 30% tổng mức đầu tư.

+ *Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính*:

Thông tư số 69/2011/TT-BNNPTNT ngày 21/10/2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc hướng dẫn một số nội dung Quy chế quản lý đầu tư xây dựng công trình lâm sinh ban hành kèm theo Quyết định số 73/2010/QĐ-TTg ngày 16/11/2010 của Thủ tướng Chính phủ.

10. Thủ tục Thẩm định và phê duyệt hồ sơ thiết kế dự toán các công trình lâm sinh (đối với các tổ chức thuộc tỉnh quản lý)

+ *Trình tự thực hiện thủ tục hành chính*:

- Bước 1: Đơn vị, tổ chức lập tờ trình xin phê duyệt hồ sơ thiết kế kèm theo thuyết minh thiết kế và bản đồ thực hiện các công trình lâm sinh.

- Bước 2: Đơn vị, tổ chức nộp trực tiếp hoặc qua bưu điện tại văn phòng Sở Nông nghiệp và PTNT.

- Bước 3: Đơn vị, tổ chức nhận kết quả tại Phòng Hành chính – Tổng hợp của Chi cục Lâm nghiệp hoặc Văn phòng Sở Nông nghiệp và PTNT.

+ *Cách thức thực hiện thủ tục hành chính*: Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua bưu điện tại Văn phòng Sở Nông nghiệp và PTNT.

+ *Thành phần, số lượng hồ sơ*:

* Thành phần hồ sơ gồm:

- Tờ trình thiết kế các công trình lâm sinh;

- Thuyết minh thiết kế các công trình lâm sinh;

- Bản đồ khu vực thiết kế các công trình lâm sinh tỉ lệ 1/5.000;

- Biên bản nghiệm thu ngoại nghiệp giữa Chủ đầu tư với tổ chức, cá nhân tư vấn lập thiết kế (bản chính), kèm biên bản thẩm tra hiện trường dự án;

- Biên bản nghiệm thu nội nghiệp giữa Chủ đầu tư với tổ chức, cá nhân tư vấn lập thiết kế (bản chính);

- Bản sao Quyết định giao chỉ tiêu kế hoạch năm; quyết định phê duyệt dự án đầu tư

* Số lượng hồ sơ: 05 bộ (01 bản chính và 04 bản sao).

+ *Thời hạn giải quyết thủ tục hành chính*: 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

+ *Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính*:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Nông nghiệp và PTNT;

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): không

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Chi cục Lâm nghiệp - Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Phú Yên.

- Cơ quan phối hợp: Không.

+ *Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính*: Đơn vị, tổ chức xin thẩm định thiết kế công trình lâm sinh.

+ *Kết quả thực hiện thủ tục hành chính*:

- Kết quả: Quyết định phê duyệt thiết kế công trình lâm sinh (đối với các công trình có sử dụng nguồn vốn từ ngân sách Nhà nước, Vốn ODA); Kết quả thẩm tra hồ sơ thiết kế đối với các dự án không sử dụng nguồn vốn từ ngân sách Nhà nước.

- Thời hạn có hiệu lực: Theo quyết định.

+ *Lệ phí*: có thu lệ phí thẩm định.

+ *Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai*: Không.

+ *Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính*: Không.

+ *Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính*:

- Thông tư liên tịch số 10/2013/TTLT-BNNPTNT-BKHĐT ngày 01/02/2013 của Liên Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Kế hoạch và Đầu tư về việc hướng dẫn quản lý, sử dụng vốn đầu tư từ ngân sách Nhà nước thực hiện kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng giai đoạn 2011-2020 theo Quyết định số 57/QĐ-TTg ngày 09/01/2012 của Thủ tướng Chính phủ.

- Quyết định số 38/2005/QĐ-BNN ngày 06/7/2005 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành định mức kinh tế kỹ thuật trồng rừng, khoanh nuôi xúc tiến tái sinh rừng và bảo vệ rừng.

11. Thủ tục Thẩm định và phê duyệt hồ sơ cải tạo rừng (đối với tổ chức khác và hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thôn thuộc tỉnh quản lý)

+ *Trình tự thực hiện thủ tục hành chính*:

- Các cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cộng đồng dân cư thôn trong nước; tổ chức, cá nhân nước ngoài là chủ dự án có chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác chịu trách nhiệm tổ chức lập phương án trồng rừng thay thế, gửi 05 bộ hồ sơ (bao gồm: 01 bộ chính, 04 bộ sao) về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thẩm định trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt phương án;

- Trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phải thành lập Hội đồng và tổ chức thẩm định. Trường hợp phải xác minh thực địa, thì thời gian thẩm định phương án không được kéo dài quá 15 (mười lăm) ngày làm việc;

- Trường hợp hồ sơ không đủ theo quy định thì trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thông báo cho chủ dự án đã gửi để biết;

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày họp Hội đồng thẩm định, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét phê duyệt phương án. Trường hợp không đề nghị UBND cấp tỉnh xem xét phê duyệt phương án, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phải trả lời cho chủ dự án đã gửi đề nghị biết lý do;

- Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị phê duyệt phương án của Sở NN&PTNT trình, UBND cấp tỉnh phải phê duyệt phương án; trường hợp không phê duyệt, UBND cấp tỉnh phải thông báo cho Sở NN&PTNT rõ lý do để trả lời cho chủ dự án đã gửi đề nghị biết.

+ *Cách thức thực hiện thủ tục hành chính:* Trực tiếp tại cơ quan nhà nước hoặc qua bưu điện.

+ *Thành phần, số lượng hồ sơ:*

* Thành phần hồ sơ gồm:

- Văn bản đề nghị phê duyệt phương án theo mẫu tại Phụ lục 01 của Thông tư 24/2013/TT-BNNPTNT ngày 06/5/2013.

- Phương án lập theo mẫu tại Phụ lục 02 của Thông tư 24/2013/TT-BNNPTNT ngày 06/5/2013.

* Số lượng bộ hồ sơ: 05 bộ (01 bản chính và 04 bản sao).

+ *Thời hạn giải quyết thủ tục hành chính:* Trong thời hạn 20-35 ngày làm việc.

+ *Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:*

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Nông nghiệp và PTNT.

- Cơ quan phối hợp (nếu có): Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi có diện tích đất trồng rừng thay thế và tổ chức khoa học có liên quan.

+ *Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:* Cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cộng đồng dân cư thôn trong nước; tổ chức, cá nhân nước ngoài.

+ *Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:* Đề nghị phê duyệt phương án trồng rừng thay thế chuyển mục đích sử dụng rừng sang sử dụng cho mục khác Phụ lục 1 và Phương án trồng rừng thay thế Phụ lục 2, của Thông tư 24/2013/TT-BNNPTNT ngày 06/5/2013.

+ *Phí, lệ phí:* Không.

+ *Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:* Quyết định phê duyệt phương án trồng rừng mới thay thế diện tích rừng chuyển sang sử dụng cho mục đích khác.

- Thời hạn hiệu lực của kết quả: Theo quyết định.

+ *Điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:* Không.

+ *Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:*

Thông tư số 24/2013/TT-BNNPTNT ngày 06/5/2013 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác.

B. Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung thuộc thẩm quyền giải của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Phú Yên

I. Lĩnh vực Bảo vệ thực vật

1. Thủ tục Cấp chứng chỉ hành nghề buôn bán thuốc bảo vệ thực vật

+ *Trình tự thực hiện thủ tục hành chính:*

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân có nhu cầu cấp CCHN kinh doanh thuốc BVTV.

Lập hồ sơ theo quy định.

- Bước 2: Tổ chức cá nhân nộp hồ sơ tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Phòng Thanh tra Chi cục BVTV Phú Yên.

Công chức tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra tính hợp lệ và nội dung hồ sơ:

- Trường hợp hồ sơ hợp lệ thì viết giấy biên nhận và hẹn ngày tập huấn chuyên môn.

- Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ thì công chức tiếp nhận hồ sơ giải thích hướng dẫn để người nộp hồ sơ bổ sung theo đúng quy định.

+ Thời gian tiếp nhận hồ sơ: Giờ hành chính.

- Bước 3: Đóng lệ phí theo quy định.

- Bước 4: Cấp CCHN kinh doanh thuốc BVTV.

+ *Cách thức thực hiện thủ tục hành chính:* Nộp trực tiếp tại cơ quan hoặc qua đường bưu điện.

+ *Thành phần, số lượng hồ sơ:*

* Thành phần hồ sơ gồm:

- Đơn đề nghị Cấp chứng chỉ hành nghề buôn bán thuốc Bảo vệ thực vật (Phụ lục 10 ban hành kèm theo Thông tư số 85/2011/TT-BNNPTNT ngày 14/12/2011);

- Bản sao chụp và mang theo bản gốc để đối chiếu hoặc bản sao chứng thực bằng tốt nghiệp trung cấp cấp trở lên của một (01) trong các chuyên ngành trồng trọt, bảo vệ thực vật, sinh học, sư phạm nông nghiệp hoặc giấy chứng nhận đã tham dự lớp học chuyên môn về thuốc bảo vệ thực vật do Chi cục Bảo vệ thực vật cấp tỉnh cấp;

- Giấy chứng nhận sức khỏe do cơ quan y tế cấp huyện hoặc tương đương trở lên cấp và có giá trị trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày cấp;

- Có 02 ảnh cỡ (4 cm x 6 cm).

* Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

+ *Thời gian giải quyết:* Thời hạn xét cấp chứng chỉ hành nghề là ba (03) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định của pháp luật. Trường hợp người xin cấp/cấp lại chứng chỉ hành nghề ở tại những vùng xa xôi, hẻo lánh hoặc ở những vùng mà việc đi lại gặp nhiều khó khăn phải nộp hồ sơ qua Trạm bảo vệ thực vật thì thời hạn là mười hai (12) ngày làm việc, kể từ ngày Trạm bảo vệ thực vật nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định của pháp luật. Nếu vì lý do nào đó mà

không cấp chứng chỉ hành nghề, Chi cục Bảo vệ thực vật phải trả lời bằng văn bản cho người xin cấp”.

+ *Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:* Tổ chức, cá nhân.

+ *Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:*

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chi cục BVTV Phú Yên.

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Thanh tra.

- Cơ quan phối hợp thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không.

+ *Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:* Chứng chỉ hành nghề kinh doanh thuốc Bảo vệ thực vật.

+ *Phí, lệ phí:* Cấp CCHN 300.000đồng.

(Theo Thông tư số 223/2012/TT-BTC ngày 24/12/2012 Quy định chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực BVTV, thay cho Thông tư số 110/2003/TT-BTC, ngày 17/11/2003 quy định về chế độ thu nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí Bảo vệ, kiểm dịch thực vật và quản lý thuốc bảo vệ thực vật mức thu lệ phí 200.000đ)

+ *Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:* Phụ lục 10: Đơn đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề buôn bán thuốc bảo vệ thực vật.

+ *Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:*

- Bằng tốt nghiệp trung cấp trở lên của một (01) trong các chuyên ngành trồng trọt, bảo vệ thực vật, sinh học, sư phạm nông nghiệp hoặc giấy chứng nhận đã tham dự lớp học chuyên môn về thuốc bảo vệ thực vật do Chi cục Bảo vệ thực vật cấp tỉnh cấp;

- Giấy chứng nhận sức khỏe do cơ quan y tế cấp huyện hoặc tương đương trở lên cấp và có giá trị trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày cấp;

+ *Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:*

- Nghị định số 58/2002/NĐ-CP ngày 03/6/2002 của Chính phủ ban hành điều lệ BVTV, Điều lệ Kiểm dịch thực vật và điều lệ quản lý thuốc BVTV.

- Thông tư số 223/2012/TT-BTC ngày 24/12/2012 quy định chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực BVTV.

- Quyết định số 97/2008/QĐ-BNN ngày 06/10/2008 ban hành quy định về việc cấp chứng chỉ hành nghề sản xuất, gia công, sang chai, đóng gói, buôn bán thuốc Bảo vệ thực vật.

- Thông tư số 85/2011/TT-BNNPTNT ngày 14/12/2011 sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 89/2007/QĐ-BNN ngày 01/11/2007 quy định quản lý nhà nước về hoạt động xông hơi khử trùng vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật và Quyết định số 97/2008/QĐ-BNN ngày 6/10/2008 quy định về việc cấp chứng chỉ hành nghề sản xuất, gia công, sang chai, đóng gói, buôn bán thuốc bảo vệ thực vật của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

2. Thủ tục Cấp lại chứng chỉ hành nghề buôn bán thuốc BVTV

+ *Trình tự thực hiện:*

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân có nhu cầu cấp lại CCHN kinh doanh thuốc BVTV. Lập hồ sơ theo quy định.

- Bước 2: Tổ chức cá nhân nộp hồ sơ tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Phòng Thanh tra, Chi cục BVTV Phú Yên.

Công chức tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra tính hợp lệ và nội dung hồ sơ:

- Trường hợp hồ sơ hợp lệ thì viết giấy biên nhận và hẹn ngày cấp CCHN.

- Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ thì công chức tiếp nhận hồ sơ giải thích hướng dẫn để người nộp hồ sơ bổ sung theo đúng quy định.

- Thời gian tiếp nhận hồ sơ: giờ hành chính.

- Bước 3: Cấp lại Chứng chỉ hành nghề buôn bán thuốc BVTV.

- Bước 4: Thu hồi Chứng chỉ hành nghề buôn bán thuốc BVTV đã cấp.

+ *Cách thức thực hiện*: Nộp trực tiếp tại cơ quan hoặc qua đường bưu điện.

+ *Thành phần, số lượng hồ sơ*:

a) Thành phần hồ sơ gồm:

- Đơn đề nghị cấp lại Chứng chỉ hành nghề buôn bán thuốc Bảo vệ thực vật (Phụ lục 10 ban hành kèm theo Thông tư số: 85/2011/TT-BNNPTNT ngày 14/12/2011);

- Bản sao chụp và mang theo bản gốc để đối chiếu hoặc bản sao chứng thực bằng tốt nghiệp trung cấp cấp trở lên của một (01) trong các chuyên ngành trồng trọt, bảo vệ thực vật, sinh học, sư phạm nông nghiệp hoặc giấy chứng nhận đã tham dự lớp học chuyên môn về thuốc bảo vệ thực vật do Chi cục Bảo vệ thực vật cấp tỉnh cấp;

- Giấy chứng nhận sức khỏe do cơ quan y tế cấp huyện hoặc tương đương trở lên cấp và có giá trị trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày cấp;

- Có 02 ảnh cỡ 4 cm x 6 cm.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

+ *Thời hạn giải quyết*:

- Thời hạn xét cấp/cấp lại chứng chỉ hành nghề là ba (03) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định của pháp luật. Trường hợp người xin cấp/cấp lại chứng chỉ hành nghề ở tại những vùng xa xôi, hẻo lánh hoặc ở những vùng mà việc đi lại gặp nhiều khó khăn phải nộp hồ sơ qua Trạm bảo vệ thực vật thì thời hạn là mười hai (12) ngày làm việc, kể từ ngày Trạm bảo vệ thực vật nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định của pháp luật. Nếu vì lý do nào đó mà không cấp chứng chỉ hành nghề, Chi cục Bảo vệ thực vật phải trả lời bằng văn bản cho người xin cấp”.

+ *Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính*: Tổ chức, cá nhân.

+ *Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính*:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chi cục BVTV Phú Yên.

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không;

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Thanh tra.

- Cơ quan phối hợp thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không.

+ *Kết quả thực hiện thủ tục hành chính*: Chứng chỉ hành nghề buôn bán thuốc Bảo vệ thực vật.

+ *Lệ phí*: 150.000đ (Bằng 50% mức thu cấp lần đầu).

(*Tại điểm 10 mục I phần A Biểu mức thu lệ phí ban hành kèm theo Thông tư số: 223/2012/TT-BTC ngày 24/12/2012 Quy định chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực BVTV*).

+ *Mẫu đơn, mẫu tờ khai*: Phụ lục 10: Đơn đề nghị cấp lại chứng chỉ hành nghề buôn bán thuốc bảo vệ thực vật.

+ *Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính*:

- Bằng tốt nghiệp trung cấp cấp trở lên của một trong các chuyên ngành trồng trọt, bảo vệ thực vật, sinh học, sư phạm nông nghiệp hoặc giấy chứng nhận đã tham dự lớp học chuyên môn về thuốc bảo vệ thực vật do Chi cục Bảo vệ thực vật cấp tỉnh cấp;

- Giấy chứng nhận sức khỏe do cơ quan y tế cấp huyện hoặc tương đương trở lên cấp và có giá trị trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày cấp;

+ *Các căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính*:

- Nghị định số 58/2002/NĐ-CP ngày 03/6/2002 của Chính phủ ban hành điều lệ BVTV, Điều lệ Kiểm dịch thực vật và điều lệ quản lý thuốc BVTV.

- Thông tư số 223/2012/TT-BTC ngày 24/12/2012 quy định chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực BVTV.

- Quyết định số 97/2008/QĐ-BNN ngày 06/10/2008 ban hành Quy định về việc cấp chứng chỉ hành nghề sản xuất, gia công, sang chai, đóng gói, buôn bán thuốc Bảo vệ thực vật.

- Thông tư số 85/2011/TT-BNNPTNT ngày 14/12/2011 sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 89/2007/QĐ-BNN ngày 01/11/2007 quy định quản lý nhà nước về hoạt động xông hơi khử trùng vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật và Quyết định số 97/2008/QĐ-BNN ngày 6/10/2008 quy định về việc cấp chứng chỉ hành nghề sản xuất, gia công, sang chai, đóng gói, buôn bán thuốc bảo vệ thực vật của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

3. Thủ tục Thông qua nội dung hội thảo, quảng cáo thuốc bảo vệ thực vật tại địa phương

+ *Trình tự thực hiện thủ tục hành chính*:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân chuẩn bị đầy đủ nội dung hội thảo, quảng cáo (theo quy định), công văn xin phép hội thảo quảng cáo.

- Bước 2: Tổ chức, cá nhân gửi hồ sơ xin phép hội thảo, quảng cáo tại Phòng thanh tra Chi cục Bảo vệ thực vật trong giờ hành chính.

- Bước 3: Công chức tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra tính hợp lệ về nội dung và thủ tục xin phép hội thảo, quảng cáo.

Trường hợp hồ sơ hợp lệ, nội dung hội thảo quảng cáo đúng theo quy định thì bộ phận thanh tra trình lãnh đạo cơ quan cho phép đơn vị thực hiện (Bằng văn bản);

Trường hợp hồ sơ chưa đúng theo quy định thì công chức tiếp nhận hồ sơ giải thích, hướng dẫn để người nộp hồ sơ bổ sung hồ sơ theo đúng quy định.

+ *Cách thức thực hiện thủ tục hành chính*: Nộp trực tiếp tại cơ quan hoặc qua đường bưu điện.

- + *Thành phần, số lượng hồ sơ:*
- * Thành phần hồ sơ gồm:
 - Giấy đăng ký hồ sơ quảng cáo (Thông tư liên tịch số 96/2004/TTLT/BVHTT-BNN&PTNT).
 - Sản phẩm quảng cáo ghi trong băng, đĩa bằng các loại vật liệu hoặc maket quảng cáo.
- * Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
- + *Thời hạn giải quyết thủ tục hành chính:* Thời hạn 05 ngày làm việc.
- + *Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:* Tổ chức, cá nhân.
- + *Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:*
 - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chi cục BVTV Phú Yên.
 - Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không.
 - Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Thanh tra.
 - Cơ quan phối hợp thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không.
- + *Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:* Giấy tiếp nhận hồ sơ quảng cáo.
- + *Phí, lệ phí:* 600.000đ. *(Tại điểm 7 mục I phần B Biểu mức thu lệ phí ban hành kèm theo Thông tư số 223/2012/TT-BTC ngày 24/12/2012 quy định chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực BVTV)*
 - + *Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:* Đăng ký ký hồ sơ quảng cáo thuốc Bảo vệ thực vật.
 - + *Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:*
 - Chỉ được thông tin, hội thảo, quảng cáo các loại thuốc trong danh mục thuốc bảo vệ thực vật được phép sử dụng ở Việt Nam.
 - Đối với các loại thuốc trong danh mục thuốc bảo vệ thực vật hạn chế sử dụng ở Việt Nam chỉ được hội thảo nhằm khuyến cáo sử dụng an toàn.
 - + *Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:*
 - Pháp lệnh Bảo vệ và Kiểm dịch thực vật số 36/2001/PL-UBTVQH10 ngày 25/7/2001;
 - Thông tư liên tịch số 96/2004/TTLT/BVHTT-BNN&PTNT ngày 03/11/2004 của Bộ Văn hóa và Thông tin - Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn về quảng cáo một số hàng hóa trong lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn;
 - Thông tư liên tịch số 06/2007/TTLT/BVHTT-BYT-BNN-BXD ngày 28/02/2007, của Bộ Văn hóa và Thông tin - Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Bộ Xây dựng hướng dẫn thủ tục cấp giấy phép thực hiện quảng cáo một cửa liên thông;
 - Thông tư số 223/2012/TT-BTC ngày 24/12/2012 quy định chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực BVTV;
 - Thông tư số 03/2013/TT-BNNPTNT ngày 11/01/2013 về quản lý thuốc BVTV.

4. Thủ tục Cấp giấy chứng chỉ hành nghề sản xuất, gia công, sang chai, đóng gói thuốc bảo vệ thực vật

+ *Trình tự thực hiện thủ tục hành chính:*

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân có nhu cầu cấp chứng chỉ hành nghề sản xuất, gia công, sang chai, đóng gói thuốc bảo vệ thực vật, lập hồ sơ theo quy định.

- Bước 2: Tổ chức cá nhân nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Phòng Thanh tra, Chi cục BVTV Phú Yên.

Công chức tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra tính hợp lệ và nội dung hồ sơ:

+ Trường hợp hồ sơ hợp lệ thì viết giấy biên nhận và hẹn ngày tập huấn chuyên môn.

+ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ thì công chức tiếp nhận hồ sơ giải thích hướng dẫn để người nộp hồ sơ bổ sung theo đúng quy định.

+ Thời gian tiếp nhận hồ sơ: Giờ hành chính.

- Bước 3: Đóng lệ phí theo quy định.

- Bước 4: Cấp giấy Chứng chỉ hành nghề sản xuất, gia công, sang chai, đóng gói thuốc BVTV.

+ *Cách thức thực hiện thủ tục hành chính:* Nộp trực tiếp tại cơ quan hoặc qua đường bưu điện.

+ *Thành phần, số lượng hồ sơ:*

* Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề sản xuất, gia công, sang chai, đóng gói thuốc bảo vệ thực vật, mẫu tại Phụ lục 9 Thông tư số 85/2011/TT-BNNPTNT ngày 14/12/2011);

- Bản sao chụp và mang theo bản gốc để đối chiếu hoặc bản sao chứng thực bằng tốt nghiệp từ đại học trở lên về hoá học hoặc nông học (của một trong các chuyên ngành trồng trọt, bảo vệ thực vật);

- Giấy chứng nhận sức khoẻ do cơ quan y tế cấp huyện hoặc tương đương trở lên cấp và có giá trị trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày cấp;

- 02 ảnh cỡ 4cm x 6cm.

* Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

+ *Thời gian giải quyết thủ tục hành chính:* Thời hạn xét cấp/cấp lại chứng chỉ hành nghề là ba (03) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định của pháp luật. Trường hợp người xin cấp/cấp lại chứng chỉ hành nghề ở tại những vùng xa xôi, hẻo lánh hoặc ở những vùng mà việc đi lại gặp nhiều khó khăn phải nộp hồ sơ qua Trạm bảo vệ thực vật thì thời hạn là mười hai (12) ngày làm việc, kể từ ngày Trạm bảo vệ thực vật nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định của pháp luật. Nếu vì lý do nào đó mà không cấp chứng chỉ hành nghề, Chi cục Bảo vệ thực vật phải trả lời bằng văn bản cho người xin cấp.

+ *Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:* Tổ chức, cá nhân.

+ *Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:*

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chi cục BVTV Phú Yên.

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Thanh tra.

- Cơ quan phối hợp thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không.

+ *Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:* Chứng chỉ hành nghề sản xuất, gia công, sang chai, đóng gói thuốc Bảo vệ thực vật.

+ *Phí, lệ phí:* 300.000đ. (Tại điểm 6 mục I phần A Biểu mức thu lệ phí ban hành kèm theo Thông tư số 223/2012/TT-BTC ngày 24/12/2012 quy định chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực BVTV).

+ *Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:* Đơn đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề buôn bán thuốc bảo vệ thực vật. (Phụ lục 9).

+ *Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:*

- Tốt nghiệp từ đại học trở lên về hóa học hoặc nông học (của một trong các chuyên ngành trồng trọt, bảo vệ thực vật);

- Giấy chứng nhận sức khỏe do cơ quan y tế cấp huyện hoặc tương đương trở lên cấp và có giá trị trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày cấp;

+ *Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:*

- Nghị định số 58/2002/NĐ-CP ngày 03/6/2002 của Chính phủ ban hành điều lệ BVTV, Điều lệ Kiểm dịch thực vật và điều lệ quản lý thuốc BVTV;

- Thông tư số 223/2012/TT-BTC ngày 24/12/2012 quy định chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực BVTV;

- Quyết định số 97/2008/QĐ-BNN ngày 06/10/2008 ban hành Quy định về việc cấp chứng chỉ hành nghề sản xuất, gia công, sang chai, đóng gói, Buôn bán thuốc Bảo vệ thực vật;

- Thông tư số 85/2011/TT-BNNPTNT ngày 14/12/2011 sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 89/2007/QĐ-BNN ngày 01/11/2007 quy định quản lý nhà nước về hoạt động xông hơi khử trùng vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật và Quyết định số 97/2008/QĐ-BNN ngày 06/10/2008 quy định về việc cấp chứng chỉ hành nghề sản xuất, gia công, sang chai, đóng gói, buôn bán thuốc bảo vệ thực vật của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

5. Thủ tục Cấp lại giấy chứng chỉ hành nghề sản xuất, gia công, sang chai, đóng gói thuốc bảo vệ thực vật

+ *Trình tự thực hiện thủ tục hành chính:*

* Bước 1: Tổ chức, cá nhân có nhu cầu cấp lại chứng chỉ hành nghề sản xuất, gia công, sang chai, đóng gói thuốc Bảo vệ thực vật, lập hồ sơ theo quy định.

* Bước 2: Tổ chức cá nhân nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Phòng Thanh tra Chi cục BVTV Phú Yên.

Công chức tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra tính hợp lệ và nội dung hồ sơ:

- Trường hợp hồ sơ hợp lệ thì viết giấy biên nhận và hẹn ngày tập huấn chuyên môn.

- Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ thì công chức tiếp nhận hồ sơ giải thích hướng dẫn để người nộp hồ sơ bổ sung theo đúng quy định.

- Thời gian tiếp nhận hồ sơ: Giờ hành chính.

* Bước 3: Đóng lệ phí theo quy định.

* Bước 4: Cấp lại giấy Chứng chỉ hành nghề sản xuất, gia công, sang chai, đóng gói thuốc BVTV.

* Bước 5: Thu hồi giấy Chứng chỉ hành nghề sản xuất, gia công, sang chai, đóng gói thuốc BVTV đã cấp.

+ *Cách thức thực hiện thủ tục hành chính:* Nộp trực tiếp tại cơ quan hoặc qua đường bưu điện.

+ *Thành phần, số lượng hồ sơ:*

* Thành phần hồ sơ gồm:

- Đơn đề nghị cấp lại chứng chỉ hành nghề sản xuất, gia công, sang chai, đóng gói thuốc bảo vệ thực vật, mẫu tại Phụ lục 9 Thông tư số 85/2011/TT-BNNPTNT ngày 14/12/2011;

- Bản sao chụp và mang theo bản gốc để đối chiếu hoặc bản sao chứng thực bằng tốt nghiệp từ đại học trở lên về hoá học hoặc nông học (của một trong các chuyên ngành trồng trọt, bảo vệ thực vật);

- Giấy chứng nhận sức khoẻ do cơ quan y tế cấp huyện hoặc tương đương trở lên cấp và có giá trị trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày cấp;

- 02 ảnh 4cm x 6cm.

* Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

+ *Thời gian giải quyết thủ tục hành chính:* Thời hạn xét cấp lại chứng chỉ hành nghề là ba (03) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định của pháp luật. Trường hợp người xin cấp/cấp lại chứng chỉ hành nghề ở tại những vùng xa xôi, hẻo lánh hoặc ở những vùng mà việc đi lại gặp nhiều khó khăn phải nộp hồ sơ qua Trạm bảo vệ thực vật thì thời hạn là mười hai (12) ngày làm việc, kể từ ngày Trạm bảo vệ thực vật nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định của pháp luật. Nếu vì lý do nào đó mà không cấp chứng chỉ hành nghề, Chi cục Bảo vệ thực vật phải trả lời bằng văn bản cho người xin cấp”.

+ *Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:* Tổ chức, cá nhân.

+ *Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:*

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chi cục BVTV Phú Yên.

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Thanh tra.

- Cơ quan phối hợp thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không.

+ *Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:* Chứng chỉ hành nghề sản xuất, gia công, sang chai, đóng gói thuốc Bảo vệ thực vật.

+ *Phí, lệ phí:* 150.000 đồng. (Tại điểm 10 mục I phần A Biểu mức thu lệ phí ban hành kèm theo Thông tư số 223/2012/TT-BTC ngày 24/12/2012 Quy định chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực BVTV).

+ *Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:* Đơn đề nghị cấp lại chứng chỉ hành nghề buôn bán thuốc bảo vệ thực vật (Phụ lục 9).

+ *Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:*

- Tốt nghiệp từ đại học trở lên về hóa học hoặc nông học (của một trong các chuyên ngành trồng trọt, bảo vệ thực vật);

- Giấy chứng nhận sức khoẻ do cơ quan y tế cấp huyện hoặc tương đương trở lên cấp và có giá trị trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày cấp.

+ *Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:*

- Nghị định số 58/2002/NĐ-CP ngày 03/6/2002 của Chính phủ ban hành điều lệ BVTV, Điều lệ Kiểm dịch thực vật và điều lệ quản lý thuốc BVTV;
- Thông tư số 223/2012/TT-BTC ngày 24/12/2012 quy định chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực BVTV;
- Quyết định số 97/2008/QĐ-BNN ngày 06/10/2008 ban hành Quy định về việc cấp chứng chỉ hành nghề sản xuất, gia công, sang chai, đóng gói, Buôn bán thuốc Bảo vệ thực vật;
- Thông tư số 85 /2011/TT-BNNPTNT ngày 14/12/2011 sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 89/2007/QĐ-BNN ngày 01/11/2007 quy định quản lý nhà nước về hoạt động xông hơi khử trùng vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật và Quyết định số 97/2008/QĐ-BNN ngày 06/10/2008 Quy định về việc cấp chứng chỉ hành nghề sản xuất, gia công, sang chai, đóng gói, buôn bán thuốc bảo vệ thực vật của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

6. Thủ tục Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề xông hơi khử trùng (Vật thể bảo quản nội địa)

+ *Trình tự thực hiện thủ tục hành chính:*

Bước 1: Tổ chức có nhu cầu cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề xông hơi khử trùng, chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định của pháp luật.

Bước 2: Tổ chức nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Trạm KDTV thuộc Chi cục BVTV Phú Yên.

Bước 3: Trạm Kiểm dịch thực vật tiếp nhận và kiểm tra tính đầy đủ và hợp lệ của hồ sơ theo quy định.

- Trường hợp hồ sơ thiếu hoặc không hợp lệ thì công chức tiếp nhận hồ sơ hướng dẫn để người đến nộp hồ sơ bổ sung hoặc làm lại theo đúng quy định.

- Trường hợp hồ sơ đạt yêu cầu: Chi cục ban hành Quyết định thành lập Đoàn kiểm tra điều kiện hành nghề xông hơi khử trùng và Thông báo bằng văn bản về thời gian kiểm tra cho tổ chức/cá nhân biết. Đoàn kiểm tra có nhiệm vụ kiểm tra hồ sơ và thẩm định về điều kiện hành nghề xông hơi khử trùng của đơn vị; lập biên bản kiểm tra (có xác nhận của đơn vị) để làm căn cứ cho Chi cục xem xét, cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề xông hơi khử trùng nếu đảm bảo các điều kiện theo quy định của pháp luật.

Bước 4: Đóng phí và lệ phí theo quy định.

Bước 5: Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề xông hơi khử trùng.

+ *Cách thức thực hiện thủ tục hành chính:* Nộp trực tiếp tại cơ quan hoặc qua đường bưu điện.

+ *Thành phần, số lượng hồ sơ:*

* Thành phần hồ sơ gồm:

- Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề xông hơi khử trùng (theo mẫu Phụ lục 5, ban hành kèm theo Thông tư số 85/2011/TT-BNNPTNT, ngày 14/12/2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn).

- Quy trình kỹ thuật, phương tiện, danh mục trang thiết bị xông hơi khử trùng trên từng loại hình theo quy định.

- Chứng chỉ hành nghề xông hơi khử trùng (Bản sao chụp).

- Danh sách người trực tiếp xông hơi khử trùng đã được cấp Thẻ xông hơi khử trùng theo quy định.

- Nội quy đảm bảo an toàn đối với người, vật nuôi và hàng hóa; địa điểm làm việc, kho chứa thiết bị, hóa chất theo quy định của pháp luật.

- Giấy chứng nhận đủ điều kiện về phòng cháy và chữa cháy do cơ quan cảnh sát phòng cháy chữa cháy cấp (Bản sao chụp và mang theo bản gốc để đối chiếu hoặc bản sao chứng thực).

- Bản cam kết bảo vệ môi trường (theo quy định tại Thông tư số 26/2011/TT-BTNMT ngày 18/7/2011 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 29/2011/NĐ-CP ngày 18/4/2011 của Chính phủ quy định về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường, cam kết bảo vệ môi trường).

* Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

+ *Thời gian giải quyết thủ tục hành chính*: Trong thời gian 10 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

+ *Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính*: Tổ chức.

+ *Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính*:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chi cục BVTV Phú Yên.

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Trạm Kiểm dịch thực vật.

- Cơ quan phối hợp (nếu có): Không.

+ *Kết quả thực hiện thủ tục hành chính*: Giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề xông hơi khử trùng.

+ *Phí, Lệ phí*:

Phí thẩm định phục vụ cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề xông hơi khử trùng bảo quản nội địa: 4.000.000 đ (bốn triệu đồng)/01 lần thẩm định.

Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề xông hơi khử trùng bảo quản nội địa: 300.000 đ (ba trăm ngàn đồng)/01 giấy chứng nhận.

(Thông tư số 223/2012/TT-BTC ngày 24/12/2012 của Bộ Tài chính về quy định chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực bảo vệ thực vật).

+ *Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai*: Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề xông hơi khử trùng *(theo mẫu Phụ lục 5, ban hành kèm theo Thông tư số 85/2011/TT-BNNPTNT, ngày 14/12/2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn).*

+ *Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính*:

- Người trực tiếp quản lý, điều hành (ít nhất một người trong các vị trí sau: Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Giám đốc, Phó Giám đốc, Trưởng phòng Kỹ thuật đối với các doanh nghiệp kinh doanh và doanh nghiệp công ích; Chủ sở hữu doanh nghiệp tư nhân) phải có Chứng chỉ hành nghề xông hơi khử trùng do cơ quan có thẩm quyền cấp;

- Người trực tiếp thực hiện xông hơi khử trùng phải có Thẻ xông hơi khử trùng do cơ quan có thẩm quyền cấp;

- Có quy trình kỹ thuật, nội quy hoạt động bảo đảm an toàn đối với con người, vật nuôi. Đầy đủ phương tiện, thiết bị phục vụ cho hoạt động xông hơi khử trùng theo quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về kiểm dịch và bảo vệ thực vật QCVN 01-19: 2010/BNNPTNT - Quy trình kỹ thuật xông hơi khử trùng ban hành kèm theo Thông tư số 26/2010/TT-BNNPTNT ngày 27/4/2010 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Có phương tiện, trang thiết bị phục vụ hoạt động xông hơi khử trùng phù hợp với quy mô được phép hành nghề.

- Chịu trách nhiệm đảm bảo về an toàn đối với người, vật nuôi và hàng hoá; về vệ sinh môi trường, về phòng chống cháy, nổ và địa điểm làm việc, kho chứa thiết bị, hoá chất theo quy định của pháp luật”.

+ *Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:*

- Quyết định số 89/2007/QĐ-BNN ngày 01/11/2007 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Quy định quản lý nhà nước về hoạt động xông hơi khử trùng vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật.

- Thông tư số 88/2007/TT-BNN ngày 01/11/2007 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về hướng dẫn thực hiện công tác kiểm dịch thực vật nội địa.

- Thông tư số 85/2011/TT-BNNPTNT ngày 14/12/2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định 89/2007/QĐ-BNN ngày 01/11/2007 quy định quản lý nhà nước về hoạt động xông hơi khử trùng vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật và Quyết định số 97/2008/QĐ-BNN ngày 06/10/2008 quy định về việc cấp chứng chỉ hành nghề sản xuất, gia công, sang chai, đóng gói, buôn bán thuốc bảo vệ thực vật của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

- Thông tư số 223/2012/TT-BTC ngày 24/12/2012 của Bộ Tài chính về quy định chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực bảo vệ thực vật.

7. Thủ tục Cấp chứng chỉ hành nghề xông hơi khử trùng (Vật thể bảo quản nội địa)

+ *Trình tự thực hiện thủ tục hành chính:*

Bước 1: Cá nhân có nhu cầu cấp chứng chỉ hành nghề xông hơi khử trùng, chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định của pháp luật.

Bước 2: Tổ chức nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Trạm Kiểm dịch thực vật thuộc Chi cục BVTV Phú Yên.

Bước 3: Trạm Kiểm dịch thực vật tiếp nhận và kiểm tra tính đầy đủ và hợp lệ của hồ sơ theo quy định.

+ Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì viết biên nhận, ghi rõ ngày hẹn trả kết quả cho người nộp.

+ Trường hợp hồ sơ thiếu hoặc không hợp lệ thì công chức tiếp nhận hồ sơ hướng dẫn để người đến nộp hồ sơ bổ sung hoặc làm lại theo đúng quy định.

Bước 4: Đóng lệ phí theo quy định

Bước 5: Cấp chứng chỉ hành nghề xông hơi khử trùng.

+ *Cách thức thực hiện thủ tục hành chính:* Nộp trực tiếp tại cơ quan hoặc qua đường bưu điện.

+ *Thành phần, số lượng hồ sơ:*

* Thành phần hồ sơ, bao gồm:

- Đơn đề nghị cấp Chứng chỉ hành nghề xông hơi khử trùng (theo mẫu Phụ lục 7, ban hành kèm theo Thông tư số 85/2011/TT-BNNPTNT, ngày 14/12/2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn). Trong đó kèm theo Giấy xác nhận thời gian hoạt động trong lĩnh vực xông hơi khử trùng (đối với trường hợp cấp lần đầu).

- Bằng tốt nghiệp đại học của một trong các chuyên ngành về hóa chất, bảo vệ thực vật, trồng trọt hoặc nông học (Bản sao chụp và mang theo bản gốc để đối chiếu hoặc bản sao chứng thực).

- Giấy chứng nhận sức khoẻ do cơ quan y tế cấp huyện hoặc tương đương trở lên cấp và có giá trị trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày cấp.

- Giấy chứng minh nhân dân (Bản sao chụp và mang theo bản gốc để đối chiếu hoặc bản sao chứng thực).

- 02 ảnh 4cm x 6cm.

* Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

+ *Thời hạn giải quyết:* Trong thời gian 03 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

+ *Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:* Cá nhân.

+ *Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:*

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chi cục BVTV Phú Yên.

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không;

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Trạm Kiểm dịch thực vật.

- Cơ quan phối hợp (nếu có): Không.

+ *Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:* Chứng chỉ hành nghề xông hơi khử trùng.

+ *Lệ phí:* 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng)/chứng chỉ.

(*Thông tư số 223/2012/TT-BTC ngày 24/12/2012 của Bộ Tài chính về quy định chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực bảo vệ thực vật*).

+ *Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:* Đơn đề nghị cấp Chứng chỉ hành nghề xông hơi khử trùng (theo mẫu Phụ lục 7, ban hành kèm theo Thông tư số 85/2011/TT-BNNPTNT, ngày 14/12/2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn).

+ *Yêu cầu hoặc điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:*

- Có trình độ chuyên môn từ đại học trở lên của một trong các chuyên ngành về hóa chất, bảo vệ thực vật, trồng trọt hoặc nông học.

- Có ít nhất 03 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực này.

+ *Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:*

- Quyết định số 89/2007/QĐ-BNN ngày 01/11/2007 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành quy định quản lý nhà nước về hoạt động xông hơi khử trùng vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật.

- Thông tư số 88/2007/TT-BNN ngày 01/11/2007 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về hướng dẫn thực hiện công tác kiểm dịch thực vật nội địa.

- Thông tư số 85/2011/TT-BNNPTNT ngày 14/12/2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về sửa đổi bổ sung một số điều của Quyết định 89/2007/QĐ-BNN ngày 01/11/2007 quy định quản lý nhà nước về hoạt động xông hơi khử trùng vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật và Quyết định số 97/2008/QĐ-BNN ngày 06/10/2008 quy định về việc cấp chứng chỉ hành nghề sản xuất, gia công, sang chai, đóng gói, buôn bán thuốc bảo vệ thực vật của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Thông tư số 223/2012/TT-BTC ngày 24/12/2012 của Bộ Tài chính về quy định chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực bảo vệ thực vật.

8. Thủ tục Cấp thẻ xông hơi khử trùng (vật thể bảo quản nội địa)

+ *Trình tự thực hiện thủ tục hành chính:*

Bước 1: Cá nhân có nhu cầu cấp thẻ xông hơi khử trùng, chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định của pháp luật.

Bước 2: Tổ chức nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Trạm Kiểm dịch thực vật thuộc Chi cục BVTV Phú Yên.

Bước 3: Trạm Kiểm dịch thực vật tiếp nhận và kiểm tra tính đầy đủ và hợp lệ của hồ sơ theo quy định.

+ Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì viết biên nhận, ghi rõ ngày hẹn trả kết quả cho người nộp.

+ Trường hợp hồ sơ thiếu hoặc không hợp lệ thì công chức tiếp nhận hồ sơ hướng dẫn để người đến nộp hồ sơ bổ sung hoặc làm lại theo đúng quy định.

Bước 4: Đóng lệ phí theo quy định.

Bước 5: Cấp thẻ xông hơi khử trùng.

+ *Cách thức thực hiện thủ tục hành chính:* Nộp trực tiếp tại cơ quan hoặc qua đường bưu điện.

+ *Thành phần, số lượng hồ sơ:*

* Thành phần hồ sơ, bao gồm:

- Đơn đề nghị cấp Thẻ xông hơi khử trùng (theo mẫu Phụ lục 8, ban hành kèm theo Thông tư số 85/2011/TT-BNNPTNT, ngày 14/12/2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn).

- Bản sao chụp kết quả học tập về hoạt động xông hơi khử trùng (Bản sao chụp và mang theo bản gốc để đối chiếu hoặc bản sao chứng thực).

- Giấy chứng nhận sức khỏe do cơ quan y tế cấp huyện hoặc tương đương trở lên cấp và có giá trị trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày cấp.

- Giấy chứng minh nhân dân (Bản sao chụp và mang theo bản gốc để đối chiếu hoặc bản sao chứng thực).

- 02 ảnh cỡ 2cm x 3cm.

* Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

+ *Thời hạn giải quyết thủ tục hành chính:* Trong thời gian 03 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

+ *Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:* Cá nhân.

+ *Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:*

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chi cục BVTV Phú Yên.

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Trạm Kiểm dịch thực vật.
- Cơ quan phối hợp (nếu có): Không.
- + *Kết quả thực hiện thủ tục hành chính*: Thẻ xông hơi khử trùng.
- + Phí, lệ phí: 100.000 đ (Một trăm ngàn đồng)/thẻ. (Thông tư số 223/2012/TT-BTC ngày 24/12/2012 của Bộ Tài chính về quy định chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực bảo vệ thực vật).
- + *Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai*: Đơn đề nghị cấp Thẻ xông hơi khử trùng (theo mẫu Phụ lục 8, ban hành kèm theo Thông tư số 85/2011/TT-BNNPTNT, ngày 14/12/2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn).
- + *Yêu cầu hoặc điều kiện thực hiện thủ tục hành chính*: Phải qua lớp tập huấn về xông hơi khử trùng, được cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành kiểm tra trình độ chuyên môn tay nghề.
- + *Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính*:
 - Quyết định số 89/2007/QĐ-BNN ngày 01/11/2007 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành quy định quản lý nhà nước về hoạt động xông hơi khử trùng vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật.
 - Thông tư số 88/2007/TT-BNN ngày 01/11/2007 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về hướng dẫn thực hiện công tác kiểm dịch thực vật nội địa.
 - Thông tư số 85/2011/TT-BNNPTNT ngày 14/12/2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về sửa đổi bổ sung một số điều của Quyết định 89/2007/QĐ-BNN ngày 01/11/2007 quy định quản lý nhà nước về hoạt động xông hơi khử trùng vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật và Quyết định số 97/2008/QĐ-BNN ngày 06/10/2008 quy định về việc cấp chứng chỉ hành nghề sản xuất, gia công, sang chai, đóng gói, buôn bán thuốc bảo vệ thực vật của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.
 - Thông tư số 223/2012/TT-BTC ngày 24/12/2012 của Bộ Tài chính về quy định chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực bảo vệ thực vật.

II. Lĩnh vực Thú Y

9. Thủ tục Cấp chứng chỉ hành nghề tiêm phòng, chuẩn đoán bệnh, kê đơn, chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe động vật

+ *Trình tự thực hiện thủ tục hành chính*:

Bước 1: Tổ chức hoặc cá nhân có nhu cầu cấp chứng chỉ hành nghề chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định của pháp luật.

Bước 2: Nộp hồ sơ tại bộ phận tiếp nhận Phòng Tổng hợp - Chi cục Thú y, 48 Đại lộ Nguyễn Tất Thành, TP. Tuy Hòa trong giờ hành chính.

Bước 3: Trả kết quả hồ sơ Chứng chỉ hành nghề thú y, tại phòng tiếp nhận Phòng Tổng hợp - Chi cục Thú y, 48 Đại lộ Nguyễn Tất Thành, TP. Tuy Hòa trong giờ hành chính (trừ ngày thứ 7, chủ nhật, lễ, Tết).

- Nộp giấy biên nhận và lệ phí theo quy định.
- Nhận Chứng chỉ hành nghề thú y.

+ *Cách thức thực hiện thủ tục hành chính:* Trực tiếp tại phòng Tổng hợp, Chi cục Thú y.

+ *Thành phần, số lượng hồ sơ:*

* Thành phần hồ sơ bao gồm:

Hồ sơ đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề:

- Đơn xin cấp chứng chỉ hành nghề.

- Bản sao hợp pháp văn bằng chuyên môn về Thú y (từ Trung cấp chăn nuôi Thú y trở lên).

- Giấy khám sức khỏe do Trung tâm y tế huyện, thị xã cấp và có giá trị trong thời hạn 6 tháng kể từ ngày cấp.

- Sơ yếu lý lịch có xác nhận của UBND xã phường, thị trấn nơi cư trú hoặc doanh nghiệp quản lý người đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề.

- Có 02 ảnh chân dung màu chụp trong năm cỡ 3x4 (02 ảnh).

* Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

+ *Thời gian giải quyết thủ tục hành chính:* Trong phạm vi 10 ngày làm việc để giải quyết xong TTHC, theo quy định tại Thông tư số 37/2006/TT-BNN của Bộ Nông nghiệp và PTNT, ngày 16/5/2006.

+ *Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:* Cá nhân.

+ *Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:*

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chi cục Thú y.

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Tổng hợp Chi cục Thú y.

- Cơ quan phối hợp (nếu có): Không.

+ *Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:* Chứng chỉ hành nghề.

+ *Phí, lệ phí:* Cấp chứng chỉ hành nghề thú y (kể cả thú y thủy sản).

Mức phí, lệ phí: Cấp lần đầu (hạn 5 năm): 100.000đ/lần.

Thông tư số 04/2012/TT-BTC ngày 05/01/2012 của Bộ Tài chính quy định chế độ thu nộp và quản lý, sử dụng phí lệ phí trong công tác Thú y.

+ *Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:* Không.

+ *Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:*

Điều kiện để được cấp chứng chỉ hành nghề thú y cho cá nhân.

Đối với người hành nghề chuẩn đoán lâm sàng, kê đơn, chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe động vật ở vùng núi, vùng sâu, vùng xa được cấp chứng chỉ hành nghề nếu có giấy chứng nhận đã qua lớp đào tạo về chuyên môn thú y do Chi cục Thú y Phú Yên cấp hoặc do các dự án của Trung ương hoặc nước ngoài cấp.

+ *Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:*

- Pháp lệnh số 18/2004/PL-UBTVQH 11.

- Nghị định số 33/2005/NĐ-CP, ngày 15/3/2005 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Thú y, có hiệu lực sau 15 ngày đăng công báo và Nghị định số 119/2008/NĐ-CP, ngày 28/11/2008 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 33/2005/NĐ-CP, ngày 15/3/2005 của Chính phủ.

- Thông tư số 37/2006/TT-BNN, ngày 16/5/2006 của Bộ Nông nghiệp và PTNT hướng dẫn điều kiện, trình tự, thủ tục cấp, thu hồi, cấp lại chứng chỉ hành nghề thú y đối với các cơ sở hành nghề thú y.

- Thông tư số 04/2012/TT-BTC ngày 05/01/2012 của Bộ Tài chính quy định chế độ thu nộp và quản lý, sử dụng phí lệ phí trong công tác Thú y.

10. Thủ tục Cấp chứng chỉ hành nghề kinh doanh thuốc thú y, chế phẩm sinh học, vi sinh vật, hóa chất dùng trong thú y

+ *Trình tự thực hiện thủ tục hành chính:*

Bước 1: Tổ chức, cá nhân có nhu cầu cấp chứng chỉ hành nghề kinh doanh thuốc chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định của pháp luật .

Bước 2: Nộp hồ sơ tại bộ phận tiếp nhận ở phòng Tổng hợp – Chi cục Thú y, 48 Đại lộ Nguyễn Tất Thành, TP. Tuy Hòa trong giờ hành chính (trừ ngày thứ 7, chủ nhật, lễ, Tết).

- Trường hợp hồ sơ hợp lệ thì viết biên nhận và hẹn ngày trả kết quả.

- Nếu hồ sơ chưa hợp lệ thì giải thích, hướng dẫn để người nộp hồ sơ bổ sung đầy đủ theo quy định.

Bước 3: Trả kết quả hồ sơ Chứng chỉ hành nghề thú y, tại phòng tiếp nhận ở phòng Tổng hợp - Chi cục Thú y, 48 Đại lộ Nguyễn Tất Thành, TP.Tuy Hòa trong giờ hành chính.

- Nộp giấy biên nhận và lệ phí theo quy định.

- Nhận Chứng chỉ hành nghề thú y.

+ *Cách thức thực hiện thủ tục hành chính:* Trực tiếp tại phòng Tổng hợp, Chi cục Thú y.

+ *Thành phần, số lượng hồ sơ:*

* Thành phần hồ sơ bao gồm:

Hồ sơ đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề:

- Đơn đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề kinh doanh thuốc Thú y (áp dụng cho chủ cơ sở kinh doanh).

- Đơn xin cấp chứng chỉ hành nghề kinh doanh thuốc Thú y (áp dụng cho nhân viên bán hàng).

- Đơn xin cấp mã số kinh doanh thuốc thú y.

- Đơn xin xác nhận về hộ khẩu.

- Bản kê khai địa điểm và bản vẽ vị trí, địa điểm nơi đề nghị được hành nghề kinh doanh (tự vẽ).

- Biên bản thẩm định cơ sở kinh doanh thuốc Thú y.

- Bản sao hợp pháp văn bằng chuyên môn về Thú y (từ Trung cấp chăn nuôi Thú y trở lên).

- Giấy khám sức khỏe do Trung tâm y tế huyện, thành phố và thị xã cấp và có giá trị trong thời hạn 6 tháng kể từ ngày cấp.

- Sơ yếu lý lịch có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã phường, thị trấn nơi cư trú hoặc doanh nghiệp quản lý người đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề.

- Có 02 ảnh chân dung màu chụp trong năm cỡ 3x4.

* Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

+ *Thời gian giải quyết thủ tục hành chính:* Trong phạm vi 10 ngày làm việc để giải quyết xong TTHC.

+ *Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:* Cá nhân, tổ chức.

+ *Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:*

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chi cục Thú y.

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Tổng hợp Chi cục Thú y.

- Cơ quan phối hợp (nếu có): Không.

+ *Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:* Chứng chỉ hành nghề.

+ *Phí, lệ phí:*

* *Phí thẩm định điều kiện và tiêu chuẩn cơ sở kinh doanh thuốc thú y, thuốc thú y thủy sản:*

- Đối với cửa hàng: Mức thu 225.000đ/lần.

- Đối với đại lý: Mức thu 450.000đ/lần.

* *Lệ phí cấp chứng chỉ hành nghề thú y.*

* *Đối với kinh doanh thuốc thú y (kể cả thú y thủy sản):*

Mức thu: Cấp lần đầu (hạn 5 năm): 100.000đ/lần.

Lệ phí cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh thuốc thú y, thuốc thú y thủy sản: 70.000đ/lần.

+ *Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:*

- Đơn đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề kinh doanh thuốc Thú y (áp dụng cho chủ cơ sở kinh doanh);

- Đơn xin cấp chứng chỉ hành nghề kinh doanh thuốc Thú y (áp dụng cho nhân viên bán hàng);

- Đơn xin cấp mã số kinh doanh thuốc thú y;

- Đơn xin xác nhận về hộ khẩu;

- Bản kê khai địa điểm và bản vẽ vị trí, địa điểm nơi đề nghị được hành nghề kinh doanh (tự vẽ);

- Biên bản thẩm định cơ sở kinh doanh thuốc Thú y.

+ *Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:* Điều kiện để được cấp chứng chỉ hành nghề thú y kinh doanh thuốc thú y, chế phẩm sinh học, vi sinh vật, hóa chất dùng trong thú y cho cơ sở, cá nhân, phải có bằng chuyên môn Trung cấp Chăn nuôi Thú y trở lên.

+ *Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:*

- Pháp lệnh số 18/2004/PL-UBTVQH 11;

- Nghị định số 33/2005/NĐ-CP, ngày 15/3/2005 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Thú y; Nghị định số 119/2008/NĐ-CP, ngày 28/11/2008 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 33/2005/NĐ-CP, ngày 15/3/2005 của Chính phủ;

- Quyết định số 46/2005/QĐ-BNN, ngày 25/7/2005 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc ban hành Danh mục đối tượng kiểm tra vệ sinh thú y; Danh mục đối tượng thuộc diện phải kiểm tra vệ sinh thú y; Danh mục đối tượng thuộc diện phải kiểm tra vệ sinh thú y bắt buộc áp dụng tiêu chuẩn vệ sinh thú y;

- Thông tư số 37/2006/TT-BNN, ngày 16/5/2006 của Bộ Nông nghiệp và PTNT hướng dẫn điều kiện, trình tự, thủ tục cấp, thu hồi, cấp lại chứng chỉ hành nghề thú y đối với các cơ sở hành nghề thú y;

- Thông tư số 51/2009/TT-BNNPTNT ngày 21/8/2009 của Bộ Nông nghiệp và PTNT Quy định kiểm tra, chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh thuốc thú y, chế phẩm sinh học, vi sinh vật, hóa chất dùng trong thú y, thú y thủy sản;

Thông tư số 04/2012/TT-BTC ngày 05/01/2012 của Bộ Tài chính quy định chế độ thu nộp và quản lý, sử dụng phí lệ phí trong công tác Thú y.

11. Thủ tục Gia hạn chứng chỉ hành nghề thú y (đối với các chứng chỉ do Chi cục Thú Y cấp)

+ *Trình tự thực hiện thủ tục hành chính:*

Bước 1: Chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định của pháp luật.

Bước 2: Nộp hồ sơ tại bộ phận tiếp nhận Phòng Tổng hợp – Chi cục Thú y, 48 Đại lộ Nguyễn Tất Thành, TP. Tuy Hòa trong giờ hành chính (trừ ngày thứ 7, chủ nhật, lễ, Tết).

Bước 3: Trả kết quả hồ sơ Chứng chỉ hành nghề thú y, tại phòng tiếp nhận Phòng Tổng hợp – Chi cục Thú y, 48 Đại lộ Nguyễn Tất Thành, TP. Tuy Hòa trong giờ hành chính.

- Nộp: giấy biên nhận và lệ phí theo quy định.

- Nhận: Chứng chỉ hành nghề thú y.

+ *Cách thức thực hiện thủ tục hành chính:* Trực tiếp tại Phòng Tổng hợp, Chi cục Thú y.

+ *Thành phần, số lượng hồ sơ:*

* Thành phần hồ sơ bao gồm:

Hồ sơ đề nghị gia hạn chứng chỉ hành nghề:

- Đơn đề nghị gia hạn chứng chỉ hành nghề kinh doanh thuốc Thú y (áp dụng cho chủ cơ sở kinh doanh).

- Đơn xin gia hạn chứng chỉ hành nghề kinh doanh thuốc Thú y (áp dụng cho nhân viên bán hàng).

- Chứng chỉ hành nghề Thú y đã cấp lần trước liên kê.

- Biên bản thẩm định cơ sở kinh doanh thuốc Thú y.

- Bản sao hợp pháp văn bằng chuyên môn về Thú y (từ Trung cấp chăn nuôi Thú y trở lên).

- Giấy khám sức khỏe do Trung tâm y tế huyện, thành phố và thị xã cấp và có giá trị trong thời hạn 6 tháng kể từ ngày cấp.

- Sơ yếu lý lịch có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã phường, thị trấn nơi cư trú hoặc doanh nghiệp quản lý người đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề.

- Có 02 ảnh chân dung màu chụp trong năm cỡ 3x4.

* Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

+ *Thời gian giải quyết thủ tục hành chính:* Trong phạm vi 10 ngày làm việc để giải quyết xong TTHC.

+ *Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:* Cá nhân, tổ chức.

+ *Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:*

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chi cục Thú y.
- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Tổng hợp Chi cục Thú y.
- Cơ quan phối hợp (nếu có): Trạm thú y huyện, thành phố.
- + *Kết quả thực hiện thủ tục hành chính*: Chứng chỉ hành nghề.
- + *Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai*: Không.
- + *Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính*:
 - Điều kiện để được cấp chứng chỉ hành nghề thú y kinh doanh thuốc thú y, chế phẩm sinh học, vi sinh vật, hóa chất dùng trong thú y cho cơ sở, cá nhân, phải có bằng chuyên môn Trung cấp Chăn nuôi Thú y trở lên.
 - Điều kiện để được cấp chứng chỉ hành nghề thú y cho cá nhân.
 - Đối với người hành nghề chuẩn đoán lâm sàng, kê đơn, chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe động vật ở vùng núi, vùng sâu, vùng xa được cấp chứng chỉ hành nghề nếu có giấy chứng nhận đã qua lớp đào tạo về chuyên môn thú y do Chi cục Thú y Phú Yên cấp hoặc do các dự án của Trung ương hoặc nước ngoài cấp.
- + *Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính*:
 - Pháp lệnh số 18/2004/PL-UBTVQH 11;
 - Nghị định số 33/2005/NĐ-CP, ngày 15/3/2005 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Thú y; Nghị định số 119/2008/NĐ-CP, ngày 28/11/2008 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 33/2005/NĐ-CP, ngày 15/3/2005 của Chính phủ;
 - Quyết định số 46/2005/QĐ-BNN, ngày 25/7/2005 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc ban hành Danh mục đối tượng kiểm tra vệ sinh thú y; Danh mục đối tượng thuộc diện phải kiểm tra vệ sinh thú y; Danh mục đối tượng thuộc diện phải kiểm tra vệ sinh thú y bắt buộc áp dụng tiêu chuẩn vệ sinh thú y.
 - Thông tư số 37/2006/TT-BNN, ngày 16/5/2006 của Bộ Nông nghiệp và PTNT hướng dẫn điều kiện, trình tự, thủ tục cấp, thu hồi, cấp lại chứng chỉ hành nghề thú y đối với các cơ sở hành nghề thú y.

12. Thủ tục Cấp chứng chỉ hành nghề xét nghiệm bệnh, phẫu thuật động vật

+ *Trình tự thực hiện thủ tục hành chính*:

Bước 1: Tổ chức hoặc cá nhân có nhu cầu cấp chứng chỉ hành nghề chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định của pháp luật.

Bước 2: Nộp hồ sơ tại bộ phận tiếp nhận ở phòng Tổng hợp – Chi cục Thú y, 48 Đại lộ Nguyễn Tất Thành, TP. Tuy Hòa trong giờ hành chính (trừ ngày thứ 7, chủ nhật, lễ, Tết).

Bước 3: Trả kết quả hồ sơ Chứng chỉ hành nghề thú y, tại phòng tiếp nhận ở phòng Tổng hợp – Chi cục Thú y, 48 Đại lộ Nguyễn Tất Thành, TP. Tuy Hòa trong giờ hành chính.

- Nộp: giấy biên nhận và lệ phí theo quy định.
- Nhận: Chứng chỉ hành nghề thú y.

+ *Cách thức thực hiện thủ tục hành chính:* Trực tiếp tại phòng Tổng hợp, Chi cục Thú y.

+ *Thành phần, số lượng hồ sơ:*

* Thành phần hồ sơ bao gồm:

Hồ sơ đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề:

- Đơn xin cấp chứng chỉ hành nghề.

- Bản sao hợp pháp văn bằng chuyên môn về Thú y (từ Trung cấp chăn nuôi Thú y trở lên).

- Giấy khám sức khỏe do Trung tâm y tế huyện, thị xã cấp và có giá trị trong thời hạn 6 tháng kể từ ngày cấp.

- Sơ yếu lý lịch có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã phường, thị trấn nơi cư trú hoặc doanh nghiệp quản lý người đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề.

- Có 02 ảnh chân dung màu chụp trong năm cỡ 3x4.

* Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

+ *Thời gian giải quyết thủ tục hành chính:* Trong phạm vi 10 ngày làm việc để giải quyết xong TTHC, theo quy định tại Thông tư số 37/2006/TT-BNN ngày 16/5/2006 của Bộ Nông nghiệp và PTNT.

+ *Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:* Cá nhân.

+ *Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:*

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chi cục Thú y.

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Tổng hợp Chi cục Thú y.

- Cơ quan phối hợp (nếu có): Trạm thú y huyện, thành phố.

+ *Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:* Chứng chỉ hành nghề.

+ *Lệ phí:* Cấp chứng chỉ hành nghề thú y.

Mức phí, lệ phí: Cấp lần đầu (hạn 5 năm): 100.000đ/lần.

+ *Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:* Không.

+ *Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:*

Điều kiện để được cấp chứng chỉ hành nghề thú y cho cá nhân.

Đối với người hành nghề chuẩn đoán lâm sàng, kê đơn, chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe động vật ở vùng núi, vùng sâu, vùng xa được cấp chứng chỉ hành nghề nếu có giấy chứng nhận đã qua lớp đào tạo về chuyên môn thú y do Chi cục Thú y Phú Yên cấp hoặc do các dự án của Trung ương hoặc nước ngoài cấp.

+ *Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:*

- Pháp lệnh số 18/2004/PL-UBTVQH 11;

- Nghị định số 33/2005/NĐ-CP, ngày 15/3/2005 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Thú y; Nghị định số 119/2008/NĐ-CP, ngày 28/11/2008 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 33/2005/NĐ-CP, ngày 15/3/2005 của Chính phủ;

- Thông tư số 37/2006/TT-BNN, ngày 16/5/2006 của Bộ Nông nghiệp và PTNT hướng dẫn điều kiện, trình tự, thủ tục cấp, thu hồi, cấp lại chứng chỉ hành nghề thú y đối với các cơ sở hành nghề thú y;

- Thông tư số 04/2012/TT-BTC ngày 05/01/2012 của Bộ Tài chính quy định chế độ thu nộp và quản lý, sử dụng phí lệ phí trong công tác Thú y.

13. Thủ tục Cấp chứng chỉ hành nghề tư vấn, dịch vụ kỹ thuật về thú y

+ *Trình tự thực hiện thủ tục hành chính:*

Bước 1: Tổ chức hoặc cá nhân có nhu cầu cấp chứng chỉ hành nghề chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định của pháp luật.

Bước 2: Nộp hồ sơ tại bộ phận tiếp nhận Phòng Tổng hợp – Chi cục Thú y, 48 Đại lộ Nguyễn Tất Thành, TP. Tuy Hòa trong giờ hành chính (trừ ngày thứ 7, chủ nhật, lễ, Tết).

Bước 3: Trả kết quả hồ sơ Chứng chỉ hành nghề thú y, tại phòng tiếp nhận Phòng Tổng hợp – Chi cục Thú y, 48 Đại lộ Nguyễn Tất Thành, TP. Tuy Hòa trong giờ hành chính.

- Nộp: giấy biên nhận và lệ phí theo quy định.

- Nhận: Chứng chỉ hành nghề thú y.

+ *Cách thức thực hiện thủ tục hành chính:* Trực tiếp tại Phòng Tổng hợp, Chi cục Thú y.

+ *Thành phần, số lượng hồ sơ:*

* Thành phần hồ sơ bao gồm:

Hồ sơ đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề:

- Đơn xin cấp chứng chỉ hành nghề.

- Bản sao hợp pháp văn bằng chuyên môn về Thú y (từ Trung cấp chăn nuôi Thú y trở lên).

- Giấy khám sức khỏe do Trung tâm y tế huyện, thị xã cấp và có giá trị trong thời hạn 6 tháng kể từ ngày cấp.

- Sơ yếu lý lịch có xác nhận của UBND xã phường, thị trấn nơi cư trú hoặc doanh nghiệp quản lý người đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề.

- Có 02 ảnh chân dung màu chụp trong năm cỡ 3x4.

* Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

+ *Thời gian giải quyết thủ tục hành chính:* Trong phạm vi 10 ngày làm việc để giải quyết xong TTHC.

+ *Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:* Cá nhân.

+ *Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:*

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chi cục Thú y.

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Tổng hợp Chi cục Thú y.

- Cơ quan phối hợp (nếu có): Không.

+ *Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:* Chứng chỉ hành nghề.

+ *Lệ phí:* Cấp chứng chỉ hành nghề thú y (kể cả thú y thủy sản).

Mức phí, lệ phí: Cấp lần đầu (hạn 5 năm): 100.000đ/lần.

+ *Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:* Không.

+ *Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:*

Điều kiện để được cấp chứng chỉ hành nghề thú y cho cá nhân.

Đối với người hành nghề tiêm phòng, chuẩn đoán lâm sàng, kê đơn, chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe động vật lưu động, không có cơ sở hành nghề cố định thì trong hồ sơ đề nghị cấp chứng hành nghề phải có thêm bảng kê các dụng cụ, nguyên vật liệu cần thiết để hành nghề, người hành nghề ở vùng núi, vùng sâu, vùng xa được cấp chứng chỉ hành nghề nếu có giấy chứng nhận đã qua lớp đào tạo về chuyên môn thú y do Chi cục Thú y Phú Yên cấp hoặc do các dự án của Trung ương hoặc nước ngoài cấp.

+ *Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:*

- Pháp lệnh số 18/2004/PL-UBTVQH 11;

- Nghị định số 33/2005/NĐ-CP, ngày 15/3/2005 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Thú y; Nghị định số 119/2008/NĐ-CP, ngày 28/11/2008 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 33/2005/NĐ-CP, ngày 15/3/2005 của Chính phủ;

- Thông tư số 37/2006/TT-BNN, ngày 16/5/2006 của Bộ Nông nghiệp và PTNT hướng dẫn điều kiện, trình tự, thủ tục cấp, thu hồi, cấp lại chứng chỉ hành nghề thú y đối với các cơ sở hành nghề thú y;

- Thông tư số 04/2012/TT-BTC ngày 05/01/2012 của Bộ Tài chính quy định chế độ thu nộp và quản lý, sử dụng phí lệ phí trong công tác Thú y.

14. Thủ tục Đăng ký xây dựng vùng an toàn dịch bệnh, cơ sở an toàn dịch bệnh

+ *Trình tự thực hiện thủ tục hành chính:*

Bước 1: Chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định của pháp luật.

Bước 2: Nộp hồ sơ tại bộ phận tiếp nhận Phòng Tổng hợp – Chi cục Thú y, 48 Đại lộ Nguyễn Tất Thành, TP. Tuy Hòa trong giờ hành chính (trừ ngày thứ 7, chủ nhật, lễ, Tết).

Bước 3: Chuyên hồ sơ về Cục Thú y (được Cục Thú y ủy quyền).

+ *Cách thức thực hiện thủ tục hành chính:* Trực tiếp tại Văn phòng Chi cục Thú y.

+ *Thành phần, số lượng hồ sơ:*

* Thành phần hồ sơ bao gồm:

- Đơn đăng ký vùng an toàn dịch bệnh, cơ sở an toàn dịch bệnh động vật (phụ lục 1a, 1b).

- Đơn đề nghị thẩm định (phụ lục 2a, 2b).

- Tờ trình về điều kiện vùng an toàn dịch bệnh, cơ sở an toàn dịch bệnh (phụ lục 4a, 4b).

- Tờ trình về điều kiện vùng an toàn dịch bệnh, cơ sở an toàn dịch bệnh đã được xây dựng.

- Thủ tục đăng ký xây dựng vùng an toàn dịch bệnh, cơ sở an toàn dịch bệnh động vật.

- Thủ tục đăng ký công nhận vùng an toàn dịch bệnh, cơ sở an toàn dịch bệnh.

* Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

+ *Thời gian giải quyết thủ tục hành chính:*

- Thủ tục đăng ký xây dựng vùng an toàn dịch bệnh, cơ sở an toàn dịch: Thời hạn 15 ngày từ khi nhận hồ sơ.
- Thủ tục đăng ký công nhận vùng an toàn dịch bệnh, cơ sở an toàn dịch bệnh: Thời hạn 15 ngày từ khi nhận hồ sơ.
- + *Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính*: Cá nhân, tổ chức.
- + *Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính*:
- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chi cục Thú y.
- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Tổng hợp Chi cục Thú y.
- Cơ quan phối hợp (nếu có): Trạm thú y huyện, thành phố.
- + *Kết quả thực hiện thủ tục hành chính*: Giấy chứng nhận.
- + *Phí, lệ phí*: Không.
- + *Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai*:
- Đơn đăng ký Xây dựng vùng an toàn dịch bệnh động vật.
- Đơn đăng ký Xây dựng cơ sở an toàn dịch bệnh động vật.
- Đơn đề nghị thẩm định Vùng an toàn dịch bệnh.
- Đơn đề nghị thẩm định Cơ sở an toàn dịch bệnh.
- Tờ trình Về điều kiện vùng an toàn dịch bệnh.
- Tờ trình Về điều kiện cơ sở an toàn dịch bệnh.
- + *Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính*: Không.
- + *Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính*:
- Pháp lệnh số 18/2004/PL-UBTVQH 11;
- Nghị định số 33/2005/NĐ-CP, ngày 15/3/2005 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Thú y; Nghị định số 119/2008/NĐ-CP, ngày 28/11/2008 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 33/2005/NĐ-CP, ngày 15/3/2005 của Chính phủ;
- Quyết định số 66/2008/QĐ-BNN, ngày 26/5/2008 của Bộ Nông nghiệp và PTNT ban hành Quy định vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh động vật.

15. Thủ tục Cấp chứng nhận điều kiện vệ sinh thú y đối với các cơ sở

+ *Trình tự thực hiện thủ tục hành chính*:

Bước 1: Tổ chức hoặc cá nhân có nhu cầu cấp giấy chứng nhận điều kiện vệ sinh thú y chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định của pháp luật.

Bước 2: Nộp hồ sơ tại bộ phận tiếp nhận Phòng Tổng hợp - Chi cục Thú y.

Bước 3: Trả kết quả hồ sơ Chứng nhận điều kiện vệ sinh thú y đối với các cơ sở, tại bộ phận tiếp nhận Phòng Tổng hợp - Chi cục Thú y, 48 Đại lộ Nguyễn Tất Thành, TP. Tuy Hòa trong giờ hành chính.

- Nộp: giấy biên nhận và lệ phí theo quy định.

- Nhận: Chứng nhận điều kiện vệ sinh thú y.

+ *Cách thức thực hiện thủ tục hành chính*: Trực tiếp tại Văn phòng Chi cục Thú y.

+ *Thành phần, số lượng hồ sơ*:

a) Thành phần hồ sơ bao gồm:

** Đối với tổ chức, cá nhân có hoạt động sản xuất, kinh doanh thủy sản:*

- Cơ sở đăng ký kiểm tra lần đầu.
- Cơ sở đã được kiểm tra, cấp chứng nhận nhưng thay đổi địa điểm sản xuất, kinh doanh của cơ sở.

Hồ sơ đăng ký gồm:

- + Đơn đăng ký kiểm tra điều kiện vệ sinh thú y.
- + Sơ đồ bố trí mặt bằng của cơ sở.
- + Báo cáo tóm tắt về điều kiện vật chất và cơ sở hạ tầng của cơ sở.
- + Quy trình sản xuất (đối với các cơ sở sản xuất giống, nuôi trồng thủy sản).
- Trường hợp đăng ký kiểm tra lại:

Hồ sơ đăng ký gồm:

- + Đơn đăng ký kiểm tra điều kiện vệ sinh thú y.
- + Báo cáo khắc phục sai lỗi về vệ sinh thú y ghi trong biên bản kiểm tra.
- Trường hợp cơ sở tạm ngừng hoạt động từ 6 tháng trở lên hoặc trước thời gian hết hiệu lực của Giấy chứng nhận đủ điều kiện vệ sinh thú y thủy sản ít nhất 15 ngày.

Hồ sơ đăng ký gồm:

- + Đơn đăng ký kiểm tra điều kiện vệ sinh thú y.
- + Báo cáo tóm tắt các thay đổi của cơ sở.

** Đối với tổ chức, cá nhân có hoạt động kinh doanh về thú y:*

- Trường hợp thẩm định điều kiện vệ sinh thú y đối với các cơ sở:
- + Công văn đề nghị khảo sát địa điểm lập cơ sở.
- + Dự án hoặc kế hoạch đầu tư xây dựng cơ sở, thiết kế kỹ thuật.
- + Các giấy tờ liên đến việc thành lập cơ sở.
- Trường hợp kiểm tra điều kiện vệ sinh thú y cơ sở:
- + Giấy đăng ký kiểm tra điều kiện vệ sinh thú y theo mẫu quy định.
- + Giấy phép đầu tư hoặc giấy phép kinh doanh (bản sao có công chứng).
- + Các giấy tờ liên quan đến việc thành lập cơ sở.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

+ *Thời gian giải quyết thủ tục hành chính:*

- Trường hợp thẩm định điều kiện vệ sinh thú y đối với các cơ sở: Trong phạm vi 07 ngày, kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ.
- Trường hợp kiểm tra điều kiện vệ sinh thú y cơ sở: Trong phạm vi 05 ngày, kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ.

+ *Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:* Cá nhân.

+ *Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:*

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chi cục Thú y.
- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Tổng hợp Chi cục Thú y.

- Cơ quan phối hợp (nếu có): Trạm thú y huyện, thành phố.

+ *Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:*

- Giấy chứng nhận.
- Biên lai thu chi phí tiêu độc.

+ *Phí, lệ phí:*

* *Phí:*

- Kiểm tra vệ sinh thú y đối với cơ sở sản xuất giống thủy sản:
- Công suất > 20 triệu con/năm. Mức thu: 468.500 đ/lần.
- Công suất từ 10 triệu đến 20 triệu con/năm. Mức thu: 339.000 đ/lần.
- Công suất từ 5 triệu đến 10 triệu con/năm. Mức thu: 255.000 đ/lần.
- Công suất đến 5 triệu con/năm. Mức thu: 170.000 đ/lần.
- Kiểm tra vệ sinh thú y đối với cơ sở kinh doanh giống thủy sản. Mức thu: 145.500 đ/lần.

- Kiểm tra vệ sinh thú y cho các cơ sở nuôi thủy sản thương phẩm.

- Địa phương quản lý: Mức thu: 291000 đ/lần.

- Trung ương quản lý: Mức thu: 420.000đ/lần.

* *Lệ phí:* Cấp giấy chứng nhận vệ sinh thú y:

- Đối với cửa hàng, quầy sạp kinh doanh sản phẩm động vật (hạn 02 năm): 40.000đ/năm.

- Đối với các cơ sở chăn nuôi động vật tập trung, sản xuất, kinh doanh con giống, ấp trứng; nơi tập trung, thu gom động vật, sản phẩm động vật, cơ sở giết mổ động vật, sơ chế, bảo quản sản phẩm động vật, khu cách ly kiểm dịch động vật xuất, nhập khẩu (hạn 02 năm): 70.000đ/lần.

+ *Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:*

* Đối với tổ chức, cá nhân có hoạt động sản xuất, kinh doanh thủy sản:

- Đơn đăng ký kiểm tra điều kiện vệ sinh thú y thủy sản.

- Báo cáo tóm tắt về điều kiện vệ sinh thú y của cơ sở.

Thông tư số 41/2010/TT-BNNPTNT, ngày 05/7/2010 của Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định việc kiểm tra, chứng nhận đủ điều kiện vệ sinh thú y cơ sở sản xuất, kinh doanh thủy sản.

* Đối với tổ chức, cá nhân có hoạt động sản xuất, kinh doanh động vật, sản phẩm động vật.

- Giấy đăng ký kiểm tra điều kiện vệ sinh thú y.

Quyết định số 86/2005/QĐ-BNN ngày 26/12/2005 của Bộ Nông nghiệp và PTNT, ban hành quy định mẫu hồ sơ kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật; kiểm tra vệ sinh thú y.

+ *Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:* Không.

+ *Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:*

- Pháp lệnh số 18/2004/PL-UBTVQH 11;

- Nghị định số 33/2005/NĐ-CP, ngày 15/3/2005 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Thú y; Nghị định số 119/2008/NĐ-CP, ngày 28/11/2008 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 33/2005/NĐ-CP, ngày 15/3/2005 của Chính phủ;

- Quyết định số 86/2005/QĐ-BNN, ngày 26/12/2005 của Bộ Nông nghiệp và PTNT, ban hành quy định mẫu hồ sơ kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật; kiểm tra vệ sinh thú y;

- Thông tư số 30/2009/TT-BNN, ngày 04/6/2009 của Bộ Nông nghiệp và PTNT ban hành quy định kiểm tra, giám sát vệ sinh thú y đối với sản xuất, kinh doanh sản phẩm động vật, giết mổ động vật sử dụng làm thực phẩm;
- Thông tư số 41/2010/TT-BNNPTNT, ngày 05/7/2010 của Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định việc kiểm tra, chứng nhận đủ điều kiện vệ sinh thú y cơ sở sản xuất, kinh doanh thủy sản;
- Thông tư số 60/2010/TT-BNNPTNT, ngày 25/10/2010 của Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định điều kiện vệ sinh thú y đối với cơ sở giết mổ lợn;
- Thông tư số 61/2010/TT-BNNPTNT, ngày 25/10/2010 của Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định điều kiện vệ sinh thú y đối với cơ sở giết mổ gia cầm;
- Thông tư số 04/2012/TT-BTC ngày 05/01/2012 của Bộ Tài chính quy định chế độ thu nộp và quản lý, sử dụng phí lệ phí trong công tác Thú y.

16. Thủ tục Kiểm dịch động vật vận chuyển ra ngoài tỉnh

+ *Trình tự thực hiện:*

Bước 1: Tổ chức, cá nhân (sau đây gọi là chủ hàng) khi vận chuyển động vật với số lượng lớn ra khỏi tỉnh phải đăng kiểm dịch với Chi cục Thú y (trực tiếp đăng ký tại các trạm Thú y huyện, thành phố (đã được Chi cục ủy quyền).

Bước 2: Kiểm dịch viên sau khi thực hiện việc kiểm dịch nếu động vật đủ tiêu chuẩn theo quy định sẽ tiến hành cấp giấy chứng nhận kiểm dịch vận chuyển ra khỏi huyện.

Bước 3: Chủ hàng đem hồ sơ kiểm dịch đến nộp tại phòng Kỹ thuật – Chi cục Thú y, 48 Đại lộ Nguyễn Tất Thành, TP. Tuy Hòa, để được đổi giấy chứng nhận kiểm dịch động vật vận chuyển ra ngoài tỉnh và nộp lệ phí theo quy định.

Chủ hàng nhận: Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật vận chuyển ra ngoài tỉnh; Biên lai thu phí, lệ phí; bảng kê mã số đánh dấu gia súc hoặc biên bản niêm phong chì.

- Thời gian tiếp nhận đăng ký và kiểm dịch: Từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần. (Sáng 7h30 – 11h30; Chiều 13h30 – 15h). Riêng các ngày thứ 7, chủ nhật, lễ, thực hiện kiểm dịch và đổi giấy vào buổi chiều từ 13h30 – 17h.

+ *Cách thức thực hiện:* Trực tiếp tại văn phòng Chi cục Thú y.

+ *Thành phần, số lượng hồ sơ:*

a) Thành phần hồ sơ bao gồm:

- Giấy đăng ký kiểm dịch động vật vận chuyển theo mẫu quy định.
- Bản sao giấy chứng nhận vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh nơi xuất phát của động vật (nếu có).

- Bản gốc giấy chứng nhận tiêm phòng.

- Phiếu kết quả xét nghiệm bệnh động vật (nếu có).

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

+ *Thời gian giải quyết:* Trong phạm vi 02 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

+ *Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:* Cá nhân, tổ chức.

+ *Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:*

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chi cục Thú y.

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Tổng hợp Chi cục Thú y.

- Cơ quan phối hợp (nếu có): Trạm thú y huyện, thành phố.

+ *Kết quả thực hiện TTHC:*

- Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật vận chuyển ra ngoài tỉnh.

- Bảng kê đánh dấu mã số gia súc.

- Biên bản niêm phong chì (nếu có).

- Biên lai thu phí, lệ phí.

- Biên lai thu chi phí tiêu độc.

+ *Phí, lệ phí:*

* *Lệ phí:*

- Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động vật vận chuyển nội tỉnh: 5.000 đ/lần.

- Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch vận chuyển động vật ra ngoài tỉnh: 30.000 đ/lần.

- Cấp lại giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật do khách hàng yêu cầu: 50% mức thu lần đầu.

* *Phí:*

+ Phí vệ sinh tiêu độc trong kiểm dịch xe ô tô: 40.000 đ/lần.

+ Chi phí hóa chất, nhiên liệu để tiêu độc: 20.000 đ/lần.

+ Phí kiểm tra lâm sàng động vật:

- Trâu, bò, ngựa: 5.500 đ/con.

- Heo (lợn) trên 15kg: 1.000 đ/con.

- Heo (lợn) dưới 15kg: 500 đ/con.

- Chó, mèo, dê, cừu: 3.000 đ/con.

- Gia cầm trưởng thành: 100 đ/con.

- Gia cầm con (dưới 1 tuần tuổi): 50đ/con.

Các loại khác theo Thông tư số 04/2012/TT-BTC ngày 05/01/2012 của Bộ Tài chính

+ Phí đánh dấu gia súc:

- Bấm thẻ tai đối với heo (lợn), dê, cừu: 6.500 đ/thẻ.

- Bấm thẻ tai đối với trâu, bò, ngựa, hươu, nai: 8.000 đ/thẻ.

+ Phí niêm phong động vật, phương tiện vận chuyển động vật: 1.500 đ/thẻ.

+ *Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:*

- Giấy đăng ký kiểm dịch động vật vận chuyển ra khỏi huyện (mẫu 1).

- Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật vận chuyển trong tỉnh (mẫu 13).

- Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật vận chuyển ra ngoài tỉnh (mẫu 14,14a).

Quyết định số 86/2005/QĐ-BNN, ngày 26/12/2005 của Bộ Nông nghiệp và PTNT, ban hành Quy định mẫu hồ sơ kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật; kiểm tra vệ sinh thú y.

Quyết định số 126/2008/QĐ-BNN, ngày 30/12/2008 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc Sửa đổi, bổ sung Quy định mẫu hồ sơ kiểm dịch động vật, sản phẩm

động vật; kiểm tra vệ sinh thú y ban hành kèm theo Quyết định số 86/2005/QĐ-BNN, ngày 26/12/2005 của Bộ Nông nghiệp và PTNT.

+ *Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:* Không.

+ *Căn cứ pháp lý của TTHC:*

- Pháp lệnh số 18/2004/PL-UBTVQH 11;

- Nghị định số 33/2005/NĐ-CP, ngày 15/3/2005 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Thú y; Nghị định số 119/2008/NĐ-CP, ngày 28/11/2008 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 33/2005/NĐ-CP, ngày 15/3/2005 của Chính phủ;

- Quyết định số 45/2005/QĐ-BNN, ngày 25/7/2005 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc ban hành Danh mục đối tượng kiểm dịch động vật; Danh mục động vật, sản phẩm động vật thuộc diện phải kiểm dịch;

- Quyết định số 46/2005/QĐ-BNN, ngày 25/7/2005 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc ban hành Danh mục đối tượng kiểm tra vệ sinh thú y; Danh mục đối tượng thuộc diện phải kiểm tra vệ sinh thú y; Danh mục đối tượng thuộc diện phải kiểm tra vệ sinh thú y bắt buộc áp dụng tiêu chuẩn vệ sinh thú y;

- Quyết định số 47/2005/QĐ-BNN, ngày 25/7/2005 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc Quy định số lượng động vật, khối lượng sản phẩm động vật phải kiểm dịch khi vận chuyển ra khỏi huyện và miễn kiểm dịch;

- Quyết định số 49/2006/QĐ-BNN, ngày 13/6/2006 của Bộ Nông nghiệp và PTNT ban hành Quy định về việc đánh dấu gia súc vận chuyển trong nước, xuất khẩu và nhập khẩu;

- Quyết định số 15/2006/QĐ-BNN, ngày 08/3/2006 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc ban hành Quy định về quy trình, thủ tục kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật; kiểm tra vệ sinh thú y;

- Quyết định số 126/2008/QĐ-BNN, ngày 30/12/2008 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc sửa đổi, bổ sung Quy định mẫu hồ sơ kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật; kiểm tra vệ sinh thú y ban hành kèm theo Quyết định số 86/2005/QĐ-BNN, ngày 26/12/2005 của Bộ Nông nghiệp và PTNT;

- Quyết định số 86/2005/QĐ-BNN, ngày 26/12/2005 của Bộ Nông nghiệp và PTNT, ban hành Quy định mẫu hồ sơ kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật; kiểm tra vệ sinh thú y.

- Thông tư số 04/2012/TT-BTC ngày 05/01/2012 của Bộ Tài chính quy định chế độ thu nộp và quản lý, sử dụng phí lệ phí trong công tác Thú y.

17. Thủ tục Kiểm dịch sản phẩm động vật vận chuyển ra ngoài tỉnh

+ *Trình tự thực hiện:*

Bước 1: Tổ chức, cá nhân (sau đây gọi là chủ hàng) khi vận chuyển sản phẩm động vật với số lượng lớn ra khỏi tỉnh phải đăng kiểm dịch với Chi cục Thú y (trực tiếp đăng ký tại các trạm Thú y huyện, thành phố (đã được Chi cục ủy quyền).

Bước 2: Kiểm dịch viên sau khi thực hiện việc kiểm dịch nếu sản phẩm động vật đủ tiêu chuẩn theo quy định sẽ tiến hành cấp giấy chứng nhận kiểm dịch vận chuyển ra khỏi huyện.

Bước 3: Chủ hàng đem hồ sơ kiểm dịch đến nộp tại phòng Kỹ thuật – Chi cục Thú y, 48 Đại lộ Nguyễn Tất Thành, TP. Tuy Hòa, để được đổi giấy chứng nhận kiểm dịch sản phẩm động vật vận chuyển ra ngoài tỉnh và nộp lệ phí theo quy định.

Chủ hàng nhận : Giấy chứng nhận kiểm dịch sản phẩm động vật vận chuyển ra ngoài tỉnh; Biên lai thu phí, lệ phí; biên bản niêm phong chì phương tiện vận chuyển; giấy chứng nhận tiêm phòng .

- Thời gian tiếp nhận đăng ký và kiểm dịch: Từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần. (Sáng 7h30 – 11h30; Chiều 13h30 – 15h). Riêng các ngày thứ 7, chủ nhật, lễ, thực hiện kiểm dịch và đổi giấy vào buổi chiều từ 13h30 – 17h.

+ *Cách thức thực hiện:* Trực tiếp tại văn phòng Chi cục Thú y.

+ *Thành phần, số lượng hồ sơ:*

a) Thành phần hồ sơ bao gồm:

- Giấy đăng ký kiểm dịch sản phẩm động vật vận chuyển theo mẫu quy định.

- Bản sao phiếu kết quả xét nghiệm các chỉ tiêu vệ sinh thú y sản phẩm động vật (nếu có).

- Các giấy tờ khác liên quan (nếu có).

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

+ *Thời gian giải quyết:* Trong phạm vi 02 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

+ *Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:* Cá nhân, tổ chức.

+ *Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:*

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chi cục Thú y.

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Tổng hợp Chi cục Thú y.

- Cơ quan phối hợp (nếu có): Trạm thú y huyện, thành phố.

+ *Kết quả thực hiện TTHC:*

- Giấy chứng nhận kiểm dịch sản phẩm động vật vận chuyển ra ngoài tỉnh.

- Biên bản niêm phong phương tiện vận chuyển sản phẩm động vật.

- Biên lai thu phí, lệ phí.

+ *Phí, lệ phí:*

* *Lệ phí:*

- Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch sản phẩm động vật vận chuyển nội tỉnh.

Mức thu: 5.000 đ/lần cấp.

- Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch sản phẩm động vật vận chuyển tỉnh này sang tỉnh khác. Mức thu: 30.000 đ/lần cấp.

- Cấp lại giấy chứng nhận kiểm dịch sản phẩm động vật do khách hàng yêu cầu: 50% mức thu lần đầu.

* *Phí tiêu độc trong công tác kiểm dịch:*

- Phí vệ sinh tiêu độc trong kiểm dịch xe ô tô. Mức thu: 40.000 đ/lần.

- Chi phí hóa chất, nhiên liệu để tiêu độc. Mức thu: 20.000 đ/lần.

* *Phí niêm phong phương tiện vận chuyển sản phẩm động vật.* Mức thu: 1.500 đ/thẻ.

* Sản phẩm động vật, thức ăn chăn nuôi và các sản phẩm khác có nguồn gốc động vật:

- Trứng gia cầm các loại:
- Trứng giống, trứng đã ấp (trứng lộn): 5,5đ/quả.
- Trứng thương phẩm: 4,5đ/quả.
- Trứng đà điểu: 7đ/quả.
- Trứng cút: 1đ/quả.
- Xử lý các chất phế thải động vật: 18.000đ/tấn.
- Kiểm tra chất thải động vật đã qua xử lý: 7.000đ/tấn.
- Sản phẩm động vật đông lạnh:
- Vận chuyển với số lượng lớn bằng Container, xe lạnh từ 12 tấn đến 14 tấn (Trường hợp lô hàng cần phải xét nghiệm, các chỉ tiêu xét nghiệm được tính phí riêng theo thực tế). 630.000đ/lô hàng.
- Vận chuyển với số lượng ít (dưới 12 tấn) (Trường hợp lô hàng cần phải xét nghiệm, các chỉ tiêu xét nghiệm được tính phí riêng theo thực tế): 90đ/kg.
- + Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:
- + Giấy đăng ký kiểm dịch sản phẩm động vật vận chuyển ra khỏi huyện (mẫu 1).
- + Giấy chứng nhận kiểm dịch sản phẩm động vật vận chuyển trong tỉnh (mẫu 13).
- + Giấy chứng nhận kiểm dịch sản phẩm động vật vận chuyển ra ngoài tỉnh (mẫu 15,15a).

Quyết định số 86/2005/QĐ-BNN, ngày 26/12/2005 của Bộ Nông nghiệp và PTNT, ban hành Quy định mẫu hồ sơ kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật; kiểm tra vệ sinh thú y.

Quyết định số 126/2008/QĐ-BNN, ngày 30/12/2008 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc sửa đổi, bổ sung Quy định mẫu hồ sơ kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật; kiểm tra vệ sinh thú y ban hành kèm theo Quyết định số 86/2005/QĐ-BNN, ngày 26/12/2005 của Bộ Nông nghiệp và PTNT.

- + Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không.
- + Căn cứ pháp lý của TTHC:
 - Pháp lệnh số 18/2004/PL-UBTVQH 11;
 - Nghị định số 33/2005/ NĐ-CP, ngày 15/3/2005 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Thú y; Nghị định số 119/2008/ NĐ-CP, ngày 28/11/2008 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 33/2005/NĐ-CP, ngày 15/3/2005 của Chính phủ
 - Quyết định số 45/2005/QĐ-BNN, ngày 25/7/2005 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc ban hành Danh mục đối tượng kiểm dịch động vật; Danh mục động vật, sản phẩm động vật thuộc diện phải kiểm dịch;
 - Quyết định số 46/2005/QĐ-BNN, ngày 25/7/2005 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc ban hành Danh mục đối tượng kiểm tra vệ sinh thú y; Danh mục đối tượng thuộc diện phải kiểm tra vệ sinh thú y; Danh mục đối tượng thuộc diện phải kiểm tra vệ sinh thú y bắt buộc áp dụng tiêu chuẩn vệ sinh thú y;

- Quyết định số 47/2005/QĐ-BNN, ngày 25/7/2005 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc quy định số lượng động vật, khối lượng sản phẩm động vật phải kiểm dịch khi vận chuyển ra khỏi huyện và miễn kiểm dịch;
- Quyết định số 15/2006/QĐ-BNN, ngày 08/3/2006 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc ban hành Quy định về quy trình, thủ tục kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật; kiểm tra vệ sinh thú y;
- Quyết định số 126/2008/QĐ-BNN, ngày 30/12/2008 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc sửa đổi, bổ sung Quy định mẫu hồ sơ kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật; kiểm tra vệ sinh thú y ban hành kèm theo Quyết định số 86/2005/QĐ-BNN, ngày 26/12/2005 của Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Thông tư số 11/2009/TT-BNN, ngày 04/3/2009 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc sửa đổi, bổ sung một số điều về quy trình, thủ tục kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật; kiểm tra vệ sinh thú y ban hành kèm theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BNN, ngày 08/3/2006;
- Thông tư số 30/2009/TT-BNN, ngày 04/6/2009 của Bộ Nông nghiệp và PTNT Ban hành quy định kiểm tra, giám sát về sinh thú y đối với sản xuất, kinh doanh sản phẩm động vật, giết mổ động vật sử dụng làm thực phẩm;
- Công văn số 10/TY-KD, ngày 05/01/2009 của Cục Thú y về việc hướng dẫn Ủy quyền thực hiện kiểm dịch và cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật vận chuyển trong nước;
- Thông tư số 04/2012/TT-BTC ngày 05/01/2012 của Bộ Tài chính Quy định chế độ thu nộp và quản lý, sử dụng phí lệ phí trong công tác Thú y.

18. Thủ tục Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch đối với động vật thủy sản vận chuyển trong nước

+ *Trình tự thực hiện:*

Bước 1: Tổ chức, cá nhân (sau đây gọi là chủ hàng) khi vận chuyển động vật thủy sản ra khỏi tỉnh phải đăng ký kiểm dịch với Chi cục Thú y (trực tiếp đăng ký tại các trạm Thú y huyện, thành phố (đã được Chi cục ủy quyền).

Bước 2: Kiểm dịch viên sau khi thực hiện việc kiểm dịch nếu động vật thủy sản đủ tiêu chuẩn theo quy định sẽ tiến hành cấp giấy chứng nhận kiểm dịch vận chuyển ra khỏi huyện.

Bước 3: Chủ hàng đem hồ sơ kiểm dịch đến nộp tại Phòng Kỹ thuật – Chi cục Thú y, 48 Đại lộ Nguyễn Tất Thành, TP. Tuy Hòa, để được đổi giấy chứng nhận kiểm dịch thủy sản, sản phẩm thủy sản vận chuyển trong nước và nộp lệ phí theo quy định.

- Chủ hàng nhận: Giấy chứng nhận kiểm dịch thủy sản, sản phẩm thủy sản vận chuyển trong nước; Biên lai thu phí, lệ phí.

- Thời gian tiếp nhận đăng ký kiểm dịch: Từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần. (Sáng 7h30 – 11h30; Chiều 13h30 – 15h). Riêng các ngày thứ 7, chủ nhật, lễ, thực hiện kiểm dịch và đổi giấy vào buổi chiều từ 13h30 – 17h.

+ *Cách thức thực hiện:* Trực tiếp tại văn phòng Chi cục Thú y.

+ *Thành phần, số lượng hồ sơ:*

a) Thành phần hồ sơ bao gồm:

- Giấy khai báo kiểm dịch thủy sản, sản phẩm thủy sản vận chuyển trong nước theo mẫu quy định.

- Biên bản niêm phong chì phương tiện vận chuyển nếu có).

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

+ *Thời gian giải quyết*: Trong phạm vi 02 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

+ *Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính*: Cá nhân, tổ chức.

+ *Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính*:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chi cục Thú y.

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Tổng hợp Chi cục Thú y.

- Cơ quan phối hợp (nếu có): Trạm thú y huyện, thành phố.

+ *Kết quả thực hiện TTHC*: Giấy chứng nhận kiểm dịch thủy sản, sản phẩm thủy sản vận chuyển trong nước. Biên lai thu phí, lệ phí.

+ *Phí, lệ phí*:

* *Lệ phí*:

- Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản vận chuyển nội địa. Mức thu: 40.000 đ/lần.

- Cấp lại giấy chứng nhận kiểm dịch do khách hàng yêu cầu. Mức thu: 20.000 đ/lần.

* *Phí*:

Kiểm tra lâm sàng động vật thủy sản:

- Lô hàng có số lượng < 500 con: 50.000đ.

- Lô hàng có số lượng từ 501 – 10.000 con: 100.000đ.

- Lô hàng có số lượng từ > 10.000 con: 200.000đ.

+ *Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai*: Giấy khai báo kiểm dịch thủy sản, sản phẩm thủy sản vận chuyển trong nước.

Thông tư số 06/2010/TT-BNNPTNT ngày 26/02/2010 của Bộ Nông nghiệp và PTNT Quy định trình tự, thủ tục kiểm dịch thủy sản, sản phẩm thủy sản.

+ *Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC*: Không.

+ *Căn cứ pháp lý của TTHC*:

- Pháp lệnh số 18/2004/PL-UBTVQH 11;

- Nghị định số 33/2005/NĐ-CP, ngày 15/3/2005 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Thú y; Nghị định số 119/2008/NĐ-CP, ngày 28/11/2008 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 33/2005/NĐ-CP, ngày 15/3/2005 của Chính phủ;

- Quyết định số 110/2008/QĐ-BNN, ngày 12/11/2008 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc ban hành Danh mục đối tượng kiểm dịch động vật và sản phẩm động vật thủy sản;

- Quyết định số 86/2005/QĐ-BNN, ngày 26/12/2005 của Bộ Nông nghiệp và PTNT, ban hành Quy định mẫu hồ sơ kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật; kiểm tra vệ sinh thú y;

- Quyết định số 126/2008/QĐ-BNN, ngày 30/12/2008 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc sửa đổi, bổ sung Quy định mẫu hồ sơ kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật; kiểm tra vệ sinh thú y ban hành kèm theo Quyết định số 86/2005/QĐ-BNN, ngày 26/12/2005 của Bộ Nông nghiệp và PTNT;

- Thông tư số 06/2010/TT-BNNPTNT ngày 26/02/2010 của Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định trình tự, thủ tục kiểm dịch thủy sản, sản phẩm thủy sản;

- Thông tư số 04/2012/TT-BTC ngày 05/01/2012 của Bộ Tài chính Quy định chế độ thu nộp và quản lý, sử dụng phí lệ phí trong công tác Thú y.

19. Thủ tục Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch đối với sản phẩm động vật thủy sản vận chuyển trong nước

+ *Trình tự thực hiện:*

Bước 1: Tổ chức, cá nhân (sau đây gọi là chủ hàng) khi vận chuyển sản phẩm động vật thủy sản với số lượng lớn ra khỏi tỉnh phải đăng kiểm dịch với Chi cục Thú y (trực tiếp đăng ký tại các trạm Thú y huyện, thành phố (đã được Chi cục ủy quyền)).

Bước 2: Kiểm dịch viên sau khi thực hiện việc kiểm dịch nếu sản phẩm động vật thủy sản đủ tiêu chuẩn theo quy định sẽ tiến hành cấp giấy chứng nhận kiểm dịch vận chuyển trong nước.

Bước 3: Chủ hàng mang hồ sơ kiểm dịch đến nộp tại Phòng Kỹ thuật – Chi cục Thú y, 48 Đại lộ Nguyễn Tất Thành, TP. Tuy Hòa, để được đổi giấy chứng nhận kiểm dịch thủy sản, sản phẩm thủy sản vận chuyển trong nước và nộp lệ phí theo quy định.

- Chủ hàng nhận: Giấy chứng nhận kiểm dịch thủy sản, sản phẩm thủy sản vận chuyển trong nước; Biên lai thu phí, lệ phí; biên bản niêm phong chì phương tiện vận chuyển (nếu có).

- Thời gian tiếp nhận đăng ký kiểm dịch: Từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần. (Sáng 7h30 – 11h30; Chiều 13h30 – 15h). Riêng các ngày thứ 7, chủ nhật, lễ, thực hiện kiểm dịch và đổi giấy vào buổi chiều từ 13h30 – 17h.

+ *Cách thức thực hiện:* Trực tiếp tại văn phòng Chi cục Thú y.

+ *Thành phần, số lượng hồ sơ:*

a) Thành phần hồ sơ bao gồm:

- Giấy khai báo kiểm dịch thủy sản, sản phẩm thủy sản vận chuyển trong nước theo mẫu quy định.

- Biên bản niêm phong chì phương tiện vận chuyển (nếu có).

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

+ *Thời gian giải quyết:* Trong phạm vi 02 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

+ *Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:* Cá nhân, tổ chức.

+ *Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:*

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chi cục Thú y.

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Tổng hợp Chi cục Thú y.

- Cơ quan phối hợp (nếu có): Trạm thú y huyện, thành phố.
 - + *Kết quả thực hiện TTHC*: Giấy chứng nhận kiểm dịch thủy sản, sản phẩm thủy sản vận chuyển trong nước. Biên lai thu phí, lệ phí.
 - + *Phí, lệ phí*:
 - * *Lệ phí*:
 - Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động vật và sản phẩm động vật, thực vật thủy sản vận chuyển nội địa. Mức thu: 40.000 đ/lần.
 - Cấp lại giấy chứng nhận kiểm dịch do khách hàng yêu cầu. Mức thu: 20.000 đ/lần.
 - * *Phí*:
 - Phí kiểm tra lâm sàng động vật thủy sản:
 - + Vận chuyển với số lượng lớn bằng Container, xe lạnh từ 12 tấn – 24 tấn (Trường hợp lô hàng cần phải xét nghiệm, các chỉ tiêu xét nghiệm được tính phí riêng theo thực tế): 400.000đ/lô hàng.
 - + Vận chuyển dưới 12 tấn (Trường hợp lô hàng cần phải xét nghiệm, các chỉ tiêu xét nghiệm được tính phí riêng theo thực tế): 200.000đ/lô hàng.
 - + *Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai*:
 - Giấy khai báo kiểm dịch thủy sản, sản phẩm thủy sản vận chuyển trong nước.
 - Giấy chứng nhận kiểm dịch thủy sản, sản phẩm thủy sản vận chuyển trong nước.
- Thông tư số 06/2010/TT-BNNPTNT ngày 02/02/2010 của Bộ Nông nghiệp và PTNT Quy định trình tự, thủ tục kiểm dịch thủy sản, sản phẩm thủy sản.*
- + *Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC*: Không.
 - + *Căn cứ pháp lý của TTHC*:
 - Pháp lệnh số 18/2004/PL-UBTVQH 11;
 - Nghị định số 33/2005/NĐ-CP, ngày 15/3/2005 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Thú y; Nghị định số 119/2008/NĐ-CP, ngày 28/11/2008 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 33/2005/NĐ-CP, ngày 15/3/2005 của Chính phủ;
 - Quyết định số 86/2005/QĐ-BNN, ngày 26/12/2005 của Bộ Nông nghiệp và PTNT, ban hành Quy định mẫu hồ sơ kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật; kiểm tra vệ sinh thú y;
 - Quyết định số 126/2008/QĐ-BNN, ngày 30/12/2008 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc sửa đổi, bổ sung Quy định mẫu hồ sơ kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật; kiểm tra vệ sinh thú y ban hành kèm theo Quyết định số 86/2005/QĐ-BNN, ngày 26/12/2005 của Bộ Nông nghiệp và PTNT;
 - Quyết định số 110/2008/QĐ-BNN, ngày 12/11/2008 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc ban hành Danh mục đối tượng kiểm dịch động vật và sản phẩm động vật thủy sản;
 - Thông tư số 06/2010/TT-BNNPTNT ngày 02/02/2010 của Bộ Nông nghiệp và PTNT Quy định trình tự, thủ tục kiểm dịch thủy sản, sản phẩm thủy sản;
 - Thông tư số 04/2012/TT-BTC ngày 05/01/2012 của Bộ Tài chính Quy định chế độ thu nộp và quản lý, sử dụng phí lệ phí trong công tác Thú y;

- Thông tư số 107/2012/TT-BTC ngày 28/6/2012 của Bộ Tài chính Hướng dẫn chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí quản lý chất lượng và an toàn vệ sinh thủy sản.

III. Lĩnh vực Kiểm Lâm

20. Thủ tục Cấp giấy đăng ký trại nuôi sinh sản, sinh trưởng các loài động vật hoang dã thông thường

+ *Trình tự thực hiện:*

Bước 1: Nộp hồ sơ Tổ chức nộp hồ sơ đến Cơ quan Kiểm lâm sở huyện.

Bước 2: Tiếp nhận hồ sơ và chứng nhận.

Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Hạt Kiểm lâm huyện phải tổ chức xác minh và cấp giấy chứng nhận trại nuôi; đồng thời lập sổ theo dõi. Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, Hạt Kiểm lâm huyện phải thông báo bằng văn bản lý do cho tổ chức nộp hồ sơ.

Bước 3: Trả kết quả Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày giấy chứng nhận trại nuôi được cấp, Hạt Kiểm lâm huyện giao trả cho tổ chức được cấp.

+ *Cách thức thực hiện:* Gửi hồ sơ trực tiếp hoặc qua bưu điện đến Chi cục Kiểm lâm, địa chỉ: 48 Nguyễn Tất Thành, Phường 2, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên.

+ *Thành phần, số lượng hồ sơ:*

a) Thành phần hồ sơ gồm có:

- Bản chính đề nghị cấp giấy chứng nhận trại nuôi (theo mẫu 06, Thông tư 47/2012/TT-BNNPTNT) có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã;

- Bản sao có chứng thực phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc bản cam kết đảm bảo các điều kiện về vệ sinh, môi trường theo quy định của pháp luật.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

+ *Thời hạn giải quyết:*

- Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Cơ quan Kiểm lâm sở tại phải tổ chức xác minh và cấp giấy chứng nhận trại nuôi (theo mẫu 07, Thông tư 47/2012/TT-BNNPTNT); đồng thời lập sổ theo dõi (theo mẫu 09, Thông tư 47/2012/TT-BNNPTNT). Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, cơ quan Kiểm lâm sở tại phải thông báo bằng văn bản lý do cho chủ trại nuôi.

- Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày giấy chứng nhận trại nuôi được cấp, cơ quan Kiểm lâm sở tại giao trả cho tổ chức được cấp.

+ *Cơ quan thực hiện TTHC:*

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Cơ quan Kiểm lâm sở tại.

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Hạt Kiểm lâm huyện.

- Cơ quan phối hợp (nếu có): Không.

+ *Đối tượng thực hiện TTHC:* Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân.

+ *Mẫu đơn, tờ khai:* Giấy đề nghị cấp giấy chứng nhận trại nuôi động vật rừng thông thường (Mẫu số 6 Thông tư 47/2012/TT-BNNPTNT).

+ *Phí, lệ phí*: Không.

+ *Kết quả thực hiện TTHC*: Giấy chứng nhận trại nuôi động vật rừng thông thường (Mẫu số 7 Thông tư 47/2012/TT-BNNPTNT).

+ *Điều kiện thực hiện TTHC*:

Tổ chức, cá nhân nuôi các loài thuộc Danh mục động vật rừng thông thường (theo Thông tư 47/2012/TT-BNNPTNT) phải đảm bảo các điều kiện sau:

- Cơ sở nuôi, trại nuôi phù hợp với đặc tính sinh trưởng, phát triển của loài nuôi;

- Đảm bảo an toàn cho người và động vật nuôi; đảm bảo các quy định về vệ sinh môi trường, phòng ngừa dịch bệnh.

* Có nguồn gốc vật nuôi rõ ràng, cụ thể như sau:

- Khai thác từ tự nhiên trong nước: có bảng kê mẫu vật động vật rừng thông thường có xác nhận của cơ quan Kiểm lâm sở tại.

- Nhập khẩu: có tờ khai hàng hóa nhập khẩu được cơ quan hải quan cửa khẩu xác nhận. Các loài ngoại lai xâm hại theo quy định của pháp luật không được gây nuôi dưới mọi hình thức.

- Mua của tổ chức, cá nhân khác: có hồ sơ mua bán, trao đổi động vật giữa người cung ứng và người nuôi.

- Xử lý tịch thu: có quyết định của người có thẩm quyền xử lý tang vật hoặc vật chứng theo quy định của pháp luật.

- Động vật rừng thông thường đã nuôi trước tháng 8 năm 2012 thì tổ chức, cá nhân đang nuôi lập bảng kê động vật rừng thông thường (theo mẫu số 05, Thông tư 47/2012/TT-BNNPTNT) gửi Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi có cơ sở nuôi đó xác nhận).

+ *Căn cứ pháp lý của TTHC*:

- Thông tư số 25/2011/TT-BNNPTNT ngày 06/4/2011 của Bộ Nông nghiệp và PTNT sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về thủ tục hành chính trong lĩnh vực bảo vệ và phát triển rừng theo Nghị quyết số 57/NQ-CP ngày 15/12/2010 của Chính phủ;

- Thông tư số 47/2012/TT-BNNPTNT ngày 25/9/2012 của Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định về quản lý khai thác từ tự nhiên và nuôi động vật rừng thông thường).

IV. Lĩnh vực Quản lý chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản

21. Thủ tục Đăng ký lần đầu xác nhận nội dung quảng cáo thực phẩm

+ *Trình tự thực hiện*:

- Bước 1: Các tổ chức, cá nhân (sau đây gọi tắt là Cơ sở) sản xuất kinh doanh tại địa phương chỉ sản xuất để tiêu thụ nội địa lập và gửi hồ sơ đăng ký xác nhận nội dung quảng cáo thực phẩm tới Chi cục Quản lý Chất lượng Nông Lâm sản và Thủy sản Phú Yên (sau đây gọi tắt là Cơ quan thường trực); địa chỉ: 01A Lý Tự Trọng, Phường 7, TP Tuy Hòa, Phú Yên.

- Bước 2: Cơ quan thường trực tiếp nhận hồ sơ, tổ chức xử lý, thẩm định hồ sơ đăng ký xác nhận nội dung quảng cáo thực phẩm.

- Bước 3: Cơ quan thường trực thông báo kết quả thẩm tra hồ sơ đăng ký cho cơ sở.

+ *Cách thức thực hiện:*

Gửi hồ sơ đến Cơ quan thường trực, Qua đường bưu điện; Fax (sau đó gửi hồ sơ bản chính); Thư điện tử (sau đó gửi hồ sơ bản chính); Mạng điện tử (sau đó gửi hồ sơ bản chính).

Thời gian tiếp nhận hồ sơ: Sáng từ 7h30 đến 11h, chiều từ 14h đến 16h30 trong các ngày làm việc trong tuần.

+ *Thành phần và số lượng hồ sơ:*

* Thành phần hồ sơ gồm:

- Giấy đề nghị xác nhận nội dung quảng cáo thực phẩm theo mẫu quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư số 75/2001/TT-BNNPTNT, ngày 31/10/2011 của Bộ Nông nghiệp và PTNT;

- Bản sao có chứng thực giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm hoặc kết quả kiểm tra đánh giá điều kiện đảm bảo an toàn thực phẩm của cơ quan có thẩm quyền còn hiệu lực (áp dụng đối với cơ sở sản xuất kinh doanh trong nước);

- Bản sao có chứng thực giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh phù hợp của cơ sở sản xuất kinh doanh;

- Bản sao có chứng thực thông báo tiếp nhận bản công bố hợp quy (đối với sản phẩm phải công bố hợp quy), công bố hợp chuẩn (nếu có);

- Tài liệu khoa học liên quan để chứng minh tính chất, công dụng đặc thù của sản phẩm như nội dung quảng cáo;

- Đối với thực phẩm biến đổi gen, chiếu xạ nhập khẩu phải có Giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) và các tài liệu khác liên quan theo quy định pháp luật;

- Bản dự thảo nội dung dự kiến quảng cáo (video clip, hình ảnh, phóng sự, bài viết);

- Giấy ủy quyền của cơ sở (áp dụng đối với trường hợp đăng ký xác nhận quảng cáo bởi người kinh doanh dịch vụ quảng cáo).

* Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

+ *Thời hạn giải quyết thủ tục hành chính:*

- 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đăng ký của cơ sở, cơ quan thường trực phải thẩm tra sơ bộ hồ sơ, hướng dẫn cơ sở bổ sung những nội dung còn thiếu hoặc chưa đúng quy định;

- Không quá 20 (hai mươi) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đăng ký đầy đủ và hợp lệ, Cơ quan thường trực thông báo kết quả thẩm định cho cơ sở.

+ *Cơ quan thực hiện TTHC:*

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Nông nghiệp và PTNT.

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Chi cục Quản lý Chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản Phú Yên;

- Cơ quan phối hợp thực hiện thủ tục hành chính: Không.

+ *Đối tượng thực hiện TTHC:* Tổ chức, cá nhân.

+ *Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai*: Giấy đề nghị xác nhận nội dung quảng cáo thực phẩm (theo mẫu quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư số 75/2011/TT-BNNPTNT ngày 31/10/2011 của Bộ Nông nghiệp và PTNT).

+ *Phí, lệ phí*:

* *Mức phí*: Phí thẩm định, xét duyệt hồ sơ đăng ký xác nhận nội dung quảng cáo:

- Áp phích, tờ rơi, poster: 1.000.000 đồng/lần/1 sản phẩm.

- Truyền hình, phát thanh: 1.200.000 đồng/lần/1 sản phẩm.

* *Lệ phí*: cấp giấy Xác nhận nội dung quảng cáo thực phẩm: 150.000 đồng/1 lần cấp/ 1 sản phẩm.

+ *Kết quả thực hiện TTHC*: Giấy xác nhận nội dung quảng cáo thực phẩm.

+ *Điều kiện thực hiện TTHC*:

- Cơ sở có hồ sơ đăng ký đầy đủ và phù hợp theo quy định.

- Sản phẩm thực phẩm không thuộc danh mục những sản phẩm, hàng hóa bị cấm quảng cáo theo quy định của pháp luật hiện hành.

- Sản phẩm thực phẩm được sản xuất từ cơ sở đáp ứng quy định về điều kiện đảm bảo an toàn thực phẩm hoặc sản phẩm của cơ sở/quốc gia có tên trong danh sách được cơ quan thẩm quyền Việt Nam cho phép nhập khẩu vào Việt Nam theo quy định.

- Nội dung quảng cáo thực phẩm chính xác, đúng chất lượng, đảm bảo an toàn thực phẩm (ATTP) như đã công bố và đăng ký.

+ *Căn cứ pháp lý của TTHC*:

- Luật An toàn thực phẩm được Quốc hội thông qua ngày 17/6/2010;

- Luật Quảng cáo 16/2012/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 21/6/2012;

- Nghị định số 181/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quảng cáo;

- Thông tư số 75/2011/TT-BNNPTNT ngày 31/10/2011 quy định về đăng ký và xác nhận nội dung quảng cáo thực phẩm thuộc lĩnh vực quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Thông tư số 149/2013/TT-BTC ngày 29/10/2013 của Bộ Tài chính.

22. Thủ tục Đăng ký lại xác nhận nội dung quảng cáo thực phẩm

+ *Trình tự thực hiện*:

- Bước 1: Các tổ chức, cá nhân (*sau đây gọi tắt là Cơ sở*) sản xuất kinh doanh tại địa phương chỉ sản xuất để tiêu thụ nội địa lập và hồ sơ đã được xác nhận nội dung quảng cáo thực phẩm nhưng thay đổi về nội dung quảng cáo hoặc giấy xác nhận hết thời hạn hiệu lực tới Chi cục Quản lý Chất lượng Nông Lâm sản và Thủy sản Phú Yên (*sau đây gọi tắt là Cơ quan thường trực*); Địa chỉ: 01A Lý Tự Trọng, Phường 7, TP Tuy Hòa, Phú Yên.

- Bước 2: Cơ quan thường trực tiếp nhận hồ sơ, tổ chức xử lý, thẩm định hồ sơ đăng ký lại việc xác nhận nội dung quảng cáo thực phẩm.

- Bước 3: Cơ quan thường trực thông báo kết quả thẩm tra hồ sơ đăng ký cho cơ sở.

+ *Cách thức thực hiện*:

Gửi hồ sơ đến Cơ quan thường trực, Qua đường bưu điện; Fax (sau đó gửi hồ sơ bản chính); Thư điện tử (sau đó gửi hồ sơ bản chính); Mạng điện tử (sau đó gửi hồ sơ bản chính);

Thời gian tiếp nhận hồ sơ: Sáng từ 7h30 đến 11h, Chiều từ 14h đến 16h30 trong các ngày làm việc trong tuần.

+ *Thành phần và số lượng hồ sơ:*

* Thành phần hồ sơ gồm:

- Giấy đề nghị xác nhận nội dung quảng cáo thực phẩm theo mẫu quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư 75/2011/TT-BNNPTNT ngày 31/10/2011;

- Bản thuyết minh kèm theo các tài liệu sửa đổi, bổ sung liên quan đến việc thay đổi nội dung quảng cáo thực phẩm;

- Bản sao có chứng thực giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm hoặc kết quả kiểm tra đánh giá điều kiện đảm bảo an toàn thực phẩm của cơ quan có thẩm quyền còn hiệu lực (áp dụng đối với cơ sở sản xuất kinh doanh trong nước);

- Bản dự thảo nội dung dự kiến quảng cáo (video clip, hình ảnh, phóng sự, bài viết).

* Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

+ *Thời hạn giải quyết thủ tục hành chính:*

- 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đăng ký của cơ sở, cơ quan thường trực phải thẩm tra sơ bộ hồ sơ, hướng dẫn cơ sở bổ sung những nội dung còn thiếu hoặc chưa đúng quy định.

- Không quá 20 (hai mươi) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đăng ký đầy đủ và hợp lệ, cơ quan thường trực thông báo kết quả thẩm định cho cơ sở.

- Đối với trường hợp Giấy xác nhận nội dung đăng ký quảng cáo đã được cấp nhưng bị mất, thất lạc hoặc bị hư hỏng: Cơ sở có đề nghị cấp lại thì trong thời gian 05 (năm) ngày làm việc kể từ khi nhận được văn bản đề nghị của cơ sở, cơ quan thường trực cấp lại Giấy xác nhận cho cơ sở.

+ *Cơ quan thực hiện TTHC:*

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Nông nghiệp và PTNT.

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Chi cục Quản lý Chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản Phú Yên;

- Cơ quan phối hợp thực hiện thủ tục hành chính: Không.

+ *Đối tượng thực hiện TTHC:* Tổ chức, cá nhân.

+ *Mẫu đơn, tờ khai:* Giấy đề nghị xác nhận nội dung quảng cáo thực phẩm (theo mẫu quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư 75/2011/TT-BNNPTNT ngày 31/10/2011 của Bộ Nông nghiệp và PTNT).

+ *Phí, lệ phí.*

* Mức phí: Phí thẩm định, xét duyệt hồ sơ đăng ký xác nhận nội dung quảng cáo:

- Áp phích, tờ rơi, poster: 1.000.000 đồng/lần/1 sản phẩm.

- Truyền hình, phát thanh: 1.200.000 đồng/lần/1 sản phẩm.
- * Lệ phí cấp giấy Xác nhận nội dung quảng cáo thực phẩm: 150.000 đồng/1 lần cấp/1 sản phẩm.
- + *Kết quả thực hiện TTH*: Giấy xác nhận nội dung quảng cáo thực phẩm.
- + *Điều kiện thực hiện TTHC*.
- Cơ sở có hồ sơ đăng ký đầy đủ và phù hợp theo quy định.
- Sản phẩm thực phẩm không thuộc danh mục những sản phẩm, hàng hóa bị cấm quảng cáo theo quy định của pháp luật hiện hành.
- Sản phẩm thực phẩm được sản xuất từ cơ sở đáp ứng quy định về điều kiện đảm bảo an toàn thực phẩm hoặc phẩm của cơ sở/quốc gia có tên trong danh sách được cơ quan thẩm quyền Việt Nam cho phép nhập khẩu vào Việt Nam theo quy định;
- Nội dung quảng cáo thực phẩm chính xác, đúng chất lượng, đảm bảo an toàn thực phẩm (ATTP) như đã công bố và đăng ký.
- + *Căn cứ pháp lý TTHC*:
 - Luật An toàn thực phẩm được Quốc hội thông qua ngày 17/6/2010;
 - Luật Quảng cáo 16/2012/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 21/6/2012;
 - Nghị định số 181/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quảng cáo;
 - Thông tư số 75/2011/TT-BNNPTNT ngày 31/10/2011 quy định về đăng ký và xác nhận nội dung quảng cáo thực phẩm thuộc lĩnh vực quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
 - Thông tư số 149/2013/TT-BTC ngày 29/10/2013 của Bộ Tài chính./.